

Cẩm Phả, ngày 29 tháng 4 năm 2021

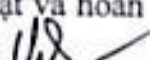
**BÁO CÁO**

V/v Công bố thông tin kết quả tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội;
- Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Quảng Ninh;

1. Tên công ty: Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV.
2. Mã chứng khoán: NCP
3. Địa chỉ trụ sở chính: Phường Cẩm Thịnh, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh
4. Điện thoại: 02033.731030, Fax: 02033.730956
5. Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Đăng Thành  
Địa chỉ: Tập thể Công ty, phường Cẩm Thịnh, Cẩm Phả, Quảng Ninh  
Điện thoại: DD: 0936 845 489, Cơ quan: 02033 731 030.
6. Nội dung thông tin công bố:
  - 6.1. Công bố Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.  
(Kèm theo Biên bản, Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2021)
7. Thông tin này được đăng tải vào ngày 29/4/2021 trên trang điện tử của Công ty tại đường dẫn [www.nhietdiencampha.com.vn](http://www.nhietdiencampha.com.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TK.



GIÁM ĐỐC

  
Nguyễn Trung Thực

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ-TKV**

*Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần nhiệt điện Cẩm Phả-TKV;*

*Căn cứ Biên bản số: 33/BB-DHĐCĐ ngày 29/4/2021 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 Công ty cổ phần nhiệt điện Cẩm Phả-TKV.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Thông qua báo cáo kết quả SXKD, đầu tư năm 2020 và các chỉ tiêu chính của Kế hoạch SXKD, đầu tư năm 2021 của Công ty**

1.1. ĐHĐCĐ thông qua báo cáo của Ban lãnh đạo điều hành tại Đại hội về Kết quả SXKD năm 2020, Kế hoạch SXKD, Kế hoạch Đầu tư xây dựng năm 2021 của Công ty, với các chỉ tiêu chính như sau:

a. Thực hiện kế hoạch SXKD năm 2020:

Điện sản xuất: 3.653.872 MWh, bằng 101,5% so với kế hoạch;

Điện thương phẩm: 3.234.366 MWh, bằng 101,4% so với kế hoạch;

Doanh thu: 4.779. 016 triệu đồng, bằng 98,6% so với kế hoạch;

Lợi nhuận: - 583. 962 triệu đồng;

Đầu tư XDCB: 68.583 triệu đồng, bằng 115,8% so với kế hoạch;

b. Kế hoạch SXKD năm 2021:

Điện sản xuất: 3.750.000 MWh;

Điện thương phẩm: 3.322. 875 MWh;

Doanh thu: 4.984. 222 triệu đồng;

Lợi nhuận: 8,9 tỷ đồng;

Đầu tư XDCB: 41.752 triệu đồng;

1.2. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT Công ty chỉ đạo thực hiện Kế hoạch SXKD năm 2021 đã được Đại hội thông qua và quyết định điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2021 khi cần thiết, sau đó báo cáo ĐHĐCĐ kỳ tiếp theo.

**Điều 2. Thông qua báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020 và kế hoạch năm 2021**

ĐHĐCĐ thông qua báo cáo về hoạt động của HĐQT năm 2020 và kế hoạch năm 2021 như báo cáo của HĐQT Công ty tại Đại hội theo tờ trình số 37/TTr-CPC ngày 26/4/2021.

**Điều 3. Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, Giám đốc năm 2020, về việc thẩm định báo cáo tài chính năm 2020 và kế hoạch năm 2021**

ĐHĐCĐ thông qua báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, Giám đốc năm 2020, về việc thẩm định báo cáo tài chính năm 2020 và kế hoạch năm 2021 như báo cáo của Công ty tại Đại hội theo tờ trình số 37/TTr-CPC ngày 26/4/2021.

**Điều 4. Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021**

ĐHĐCĐ thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty theo báo cáo của BKS Công ty tại Đại hội, với các nội dung như sau:

Tiêu chí lựa chọn công ty kiểm toán.

- Là Công ty kiểm toán độc lập được Bộ Tài chính, Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2021;

- Là đơn vị được Tổng công ty lựa chọn làm đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021;

- Ủy quyền cho HĐQT Công ty lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 dựa trên kết quả lựa chọn nhà thầu Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Tổng công ty Điện lực- TKV.

**Điều 5. Thông qua việc phân chia cổ tức và phân phối lợi nhuận năm 2020 và năm 2021**

Năm 2020 và năm 2021: Do công ty vẫn còn lỗ lũy kế nên chưa thể chia cổ tức và phân phối lợi nhuận.

**Điều 6. Thông qua báo cáo về tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Người quản lý năm 2020; Đề xuất tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Người quản lý năm 2021 như sau**

ĐHĐCĐ thông qua việc chi trả phí thù lao của thành viên HĐQT, BKS và tiền lương của Người quản lý năm 2020 và kế hoạch chi phí thù lao, tiền lương của thành viên HĐQT, BKS và Người quản lý năm 2021 như báo cáo của HĐQT Công ty tại Đại hội theo tờ trình số 37/TTr-CPC ngày 26/4/2021.

**Điều 7. Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020**



*Handwritten signature*

DHĐCĐ thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020 như báo cáo của Công ty tại Đại hội theo tờ trình số 37/TTr-CPC ngày 26/4/2021.

**Điều 8. Thông qua kế hoạch huy động vốn năm 2021**

DHĐCĐ nhất trí thông qua kế hoạch huy động vốn năm 2021 như báo cáo của HĐQT Công ty tại Đại hội theo tờ trình số 37/TTr-CPC ngày 26/4/2021.

**Điều 9. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của HĐQT; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty**

DHĐCĐ thông qua Điều lệ Công ty; Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của HĐQT; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty như báo cáo của Công ty tại Đại hội theo tờ trình số 37/TTr-CPC ngày 26/4/2021.

**Điều 10. Điều khoản thi hành**

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần nhiệt điện Cẩm Phả - TKV thông qua ngày 29/4/2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Các cổ đông Công ty;
- HĐQT, BKS;
- Ban Giám đốc, KTTT;
- Lưu: HĐQT, Hồ sơ ĐHĐCĐ.

**TM.ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**



**Bùi Minh Tân  
CHỦ TỊCH HĐQT**



Số: 33 /BB-ĐHĐCĐ

Cẩm Phả, ngày 29 tháng 4 năm 2021

**BIÊN BẢN**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ-TKV**

Hôm nay vào hồi 8:00 ngày 29/4/2021 tại Hội trường Công ty cổ phần nhiệt điện Cẩm Phả-TKV phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Công ty cổ phần nhiệt điện Cẩm Phả-TKV đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2021 (sau đây gọi là Đại hội), cụ thể như sau:

**I/ THÀNH PHẦN THAM DỰ:**

Các cổ đông của Công ty;

Hội đồng quản trị (HDQT), Ban kiểm soát (BKS), Ban lãnh đạo điều hành Công ty.

**II/ NỘI DUNG ĐẠI HỘI:**

- Ôn định, chào cờ, giới thiệu các đại biểu tham gia Đại hội.

**1. Chủ tọa Đại hội, Thư ký và Ban kiểm phiếu:**

- **Chủ tọa Đại Hội:** Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và Điều lệ của Công ty; Chủ tịch HDQT Ông Bùi Minh Tân và Giám đốc, Thành viên HDQT Ông Nguyễn Trung Thực là chủ tọa Đại hội.

**- Thư ký Đại hội và Ban kiểm phiếu:**

Để giúp việc cho Đại hội và thực hiện công tác kiểm phiếu, Chủ tọa Đại hội đã cử Thư ký Đại hội, đồng thời giới thiệu danh sách nhân sự dự kiến cho Ban kiểm phiếu, 100% Cổ đông/ đại diện ủy quyền có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội đã biểu quyết thông qua thành phần Ban kiểm phiếu, cụ thể như sau:

**Thư ký Đại hội:**

- Ông Nguyễn Đăng Thành - Thư ký HDQT;

- Ông Đỗ Ngọc Tài - Cán bộ phòng Tổ chức Hành chính.

**Ban kiểm phiếu:**

- Ông Nguyễn Văn Đức - Phó phòng Tổ chức Hành chính: Trưởng Ban;

- Bà Nguyễn Thị Thu Huyền - Cán bộ phòng Tổ chức Hành chính: Thành viên;

- Bà Đỗ Thị Hậu - Cán bộ phòng Kế hoạch đầu tư vật tư: Thành viên.

**2. Thông qua chương trình và quy chế Đại hội:**



Ban tổ chức đã trình bày chương trình, Quy chế làm việc của Đại hội và 100% Cổ đông/ đại diện ủy quyền có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội đã biểu quyết nhất trí thông qua.

**3. Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông, và điều kiện tiến hành Đại hội, cụ thể như sau:**

Căn cứ danh sách cổ đông tham dự đến thời điểm hiện tại cuộc họp ĐHĐCĐ có sự tham gia của 8 cổ đông/ đại diện ủy quyền, sở hữu và đại diện cho 192.449.007 cổ phần, chiếm: 97,70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và Điều lệ Công ty, cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần nhiệt điện Cẩm Phả-TKV là hợp pháp, hợp lệ và đủ điều kiện để tiến hành.

**4. Trình bày các báo cáo, tờ trình tại Đại hội:**

Đại hội đã nghe các Báo cáo, tờ trình tại Đại hội như sau:

1. Báo cáo kết quả SXKD, đầu tư năm 2020 và Kế hoạch năm 2021;
2. Báo cáo về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và kế hoạch năm 2021;
3. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, Giám đốc năm 2020, về việc thẩm định báo cáo tài chính năm 2020 và kế hoạch năm 2021;
4. Báo cáo về việc lựa chọn công ty kiểm toán BCTC năm 2021;
5. Báo cáo về phân chia cổ tức và phân phối lợi nhuận năm 2020 và dự kiến năm 2021;
6. Báo cáo tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS và Viên chức quản lý năm 2020. Thông qua tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS và Viên chức quản lý năm 2021;
7. Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2020;
8. Báo cáo về việc thông qua kế hoạch huy động vốn năm 2021;
9. Báo cáo về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của HĐQT; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty;

(Có tờ trình 37/TTr-CPC ngày 26/4/2021 kèm theo)

**5. Thảo luận và thông qua nội dung các báo cáo, tờ trình:**

- Ông Nguyễn Mạnh Quân, Cổ đông có ý kiến:

Qua báo cáo của Giám đốc tại ĐH về tình hình SXKD của Công ty Cổ đông có ý kiến sau:

Đến hết quý 1/2021 Công ty đã lỗ lũy kế hơn 1.700 tỷ;

Từ khi vào SXKD đến nay công ty chưa có cổ tức cho cổ đông trong khi đó dự án của Công ty có rất nhiều lợi thế như nguồn than, nước biển và công nghệ;

Đề nghị Công ty phân tích rõ nguyên nhân chủ yếu dẫn đến lỗ để có giải pháp giảm lỗ; Công ty cần đề xuất TKV và Tổng công ty Điện lực để có cơ chế để hỗ trợ cho công ty.

Đề nghị Công ty thực hiện phương án sáp nhập với Tổng công ty có lợi cho cổ đông.

Ông Bùi Minh Tân đã trả lời và phân tích một số nguyên nhân dẫn đến tình hình SXKD hiện nay của Công ty;

Tổng công ty điện lực đã ban hành các giải pháp đặc biệt đã huy động các nguồn nhân lực có trình độ tăng cường cho Công ty; Thu xếp vốn để Công ty hoạt động hiệu quả.

Năm 2020 Công ty đã lần đầu tiên đạt công suất tổ máy và sản lượng được giao.

Năm 2020 Công ty đã đột thử nghiệm nguồn than nhập khẩu từ Úc, xuất tiêu hao than đã hiệu quả tiết kiệm chi phí cho Công ty, vì vậy Công ty đề nghị TKV được tiếp tục nhập than từ Úc.

Việc thu xếp vốn của công ty hết sức khó khăn, chi phí tài chính cao.

+ Từ những phân tích trên Công ty có 03 giải pháp chính sau:

Tổng công ty và công ty đang xây dựng và triển khai phương án tái cơ cấu Công ty, theo đó chuyển Công ty thành chi nhánh của Tổng công ty.

Nguồn cung cấp nhiên liệu: Đề nghị TKV cung cấp ổn định nguồn than đầu vào cho Công ty;

Đề nghị Tổng công ty hỗ trợ công ty đảm bảo công tác tài chính;

- Ông Nguyễn Văn Hải Cổ đông có ý kiến: Hy vọng Ban lãnh đạo Công ty có các giải pháp để Công ty không còn bị lỗ như hiện nay.

Các cổ đông đã biểu quyết (Bằng thẻ biểu quyết) thông qua các báo cáo, tờ trình như sau:

### 5.1. Thông qua báo cáo kết quả SXKD đầu tư năm 2020 và các chỉ tiêu chính của Kế hoạch năm 2021.

Đại hội đã biểu quyết thông qua báo cáo của Ban lãnh đạo điều hành tại Đại hội về Kết quả SXKD năm 2020, Kế hoạch SXKD, Kế hoạch Đầu tư xây dựng năm 2021 của Công ty, với các nội dung như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch thực hiện SXKD năm 2020			Kế hoạch SXKD năm 2021
		Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH	
1	Điện sản xuất (MWh)	3.600.000	3.653.872	101,5%	3.750.000
2	Điện thương phẩm (MWh)	3.189.960	3.234.366	101,4%	3.322.875
3	Doanh thu (Tr.đồng)	4.845.702	4.779.016	98,6%	4.984.222
4	Lợi nhuận (Tỷ đồng)	9,000	- 583,962		8,900
5	Đầu tư XD/CB (Tỷ đồng)	59,235	68,583	115,8%	41,752

Đại hội ủy quyền cho HĐQT Công ty chỉ đạo thực hiện Kế hoạch SXKD năm 2021 đã được Đại hội thông qua và quyết định điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2021 khi cần thiết, sau đó báo cáo ĐHĐCĐ kỳ tiếp theo.

Đại hội nhất trí thông qua các nội dung nêu tại mục này với số cổ phần biểu quyết, cụ thể như sau:

Đồng ý: 192.449.007 cổ phần, đạt tỷ lệ 100% số CP có quyền biểu quyết tại ĐH.

Không đồng ý: 0 cổ phần, tỷ lệ 0% số CP có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Ý kiến khác: 0 cổ phần, tỷ lệ 0% số CP có quyền biểu quyết tại Đại hội.

### **5.2. Thông qua báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020 và kế hoạch năm 2021.**

Đại hội nhất trí thông qua báo cáo về hoạt động của HĐQT năm 2020 và kế hoạch năm 2021 theo báo cáo của HĐQT Công ty tại Đại hội như báo cáo tại tờ trình số: 37/TTr-CPC ngày 26/4/2021, với số cổ phần biểu quyết, cụ thể như sau:

Đồng ý: 192.449.007 cổ phần, đạt tỷ lệ 100% số CP có quyền biểu quyết tại ĐH.

Không đồng ý: 0 cổ phần, tỷ lệ 0% số CP có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Ý kiến khác: 0 cổ phần, tỷ lệ 0% số CP có quyền biểu quyết tại Đại hội.

### **5.3. Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, Giám đốc năm 2020, về việc thẩm định báo cáo tài chính năm 2020 và kế hoạch năm 2021.**

ĐHĐCĐ thông qua báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, Giám đốc năm 2020, về việc thẩm định báo cáo tài chính năm 2020 và kế hoạch năm 2021 theo báo cáo của BKS Công ty tại Đại hội như báo cáo tại tờ trình số: 37/TTr-CPC ngày 26/4/2021, với số cổ phần biểu quyết, cụ thể như sau:

Đồng ý: 192.449.007 cổ phần, đạt tỷ lệ 100% số CP có quyền biểu quyết tại ĐH.

Không đồng ý: 0 cổ phần, tỷ lệ 0% số CP có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Ý kiến khác: 0 cổ phần, tỷ lệ 0% số CP có quyền biểu quyết tại Đại hội.

### **5.4. Thông qua báo cáo của BKS về lựa chọn công ty kiểm toán BCTC năm 2021.**

ĐHĐCĐ thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty theo báo cáo của BKS Công ty tại Đại hội, với các nội dung như sau:

Tiêu chí lựa chọn công ty kiểm toán.

- Là Công ty kiểm toán độc lập được Bộ Tài chính, Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2021;

- Là đơn vị được Tổng công ty lựa chọn làm đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021.

- Ủy quyền cho HĐQT Công ty lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 dựa trên kết quả lựa chọn nhà thầu Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Tổng công ty Điện lực - TKV. Đại hội nhất trí thông qua nội dung nêu tại mục này, cụ thể như sau:

Đồng ý: 192.449.007 cổ phần, đạt tỷ lệ 100% số CP có quyền biểu quyết tại ĐH.

Không đồng ý: 0 cổ phần, tỷ lệ 0% số CP có quyền biểu quyết tại Đại hội.



Ý kiến khác: 0 cổ phần, tỷ lệ 0% số CP có quyền biểu quyết tại Đại hội.

**5.5. Thông qua báo cáo về phân chia cổ tức và phân phối lợi nhuận năm 2020 và năm 2021.**

Năm 2020: Căn cứ Nghị quyết số 32/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/4/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, Công ty không thực hiện chia cổ tức và phân phối lợi nhuận.

Năm 2021: Do công ty vẫn còn lỗ lũy kế nên chưa thể chia cổ tức và phân phối lợi nhuận năm 2021.

Đại hội đã biểu quyết thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch phân phối năm 2021, cụ thể như sau:

Đồng ý: 192.449.007 cổ phần, đạt tỷ lệ 100% số CP có quyền biểu quyết tại ĐH.

Không đồng ý: 0 cổ phần, tỷ lệ 0% số CP có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Ý kiến khác: 0 cổ phần, tỷ lệ 0% số CP có quyền biểu quyết tại Đại hội.

**5.6. Thông qua báo cáo về tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Người quản lý năm 2020; Đề xuất tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Người quản lý năm 2021.**

ĐHĐCĐ nhất trí thông qua việc chi trả phí thù lao của thành viên HĐQT, BKS và tiền lương của Người quản lý năm 2020 và kế hoạch chi phí thù lao, tiền lương của thành viên HĐQT, BKS và Người quản lý năm 2021 theo báo cáo của HĐQT Công ty tại Đại hội như báo cáo tại tờ trình số: 37/TTr-CPC ngày 26/4/2021, với số cổ phần biểu quyết, cụ thể như sau:

Đồng ý: 192.449.007 cổ phần, đạt tỷ lệ 100% số CP có quyền biểu quyết tại ĐH.

Không đồng ý: 0 cổ phần, tỷ lệ 0% số CP có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Ý kiến khác: 0 cổ phần, tỷ lệ 0% số CP có quyền biểu quyết tại Đại hội.

**5.7. Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020.**

ĐHĐCĐ nhất trí thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020 theo báo cáo của Công ty tại Đại hội như báo cáo tại tờ trình số: 37/TTr-CPC ngày 26/4/2021, với số cổ phần biểu quyết, cụ thể như sau:

Đồng ý: 192.449.007 cổ phần, đạt tỷ lệ 100% số CP có quyền biểu quyết tại ĐH.

Không đồng ý: 0 cổ phần, tỷ lệ 0% số CP có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Ý kiến khác: 0 cổ phần, tỷ lệ 0% số CP có quyền biểu quyết tại Đại hội.

**5.8. Thông qua kế hoạch huy động vốn năm 2021.**

ĐHĐCĐ nhất trí thông qua kế hoạch huy động vốn năm 2021 theo báo cáo của Công ty tại Đại hội như báo cáo tại tờ trình số: 37/TTr-CPC ngày 26/4/2021, với số cổ phần biểu quyết, cụ thể như sau:

Đồng ý: 192.449.007 cổ phần, đạt tỷ lệ 100% số CP có quyền biểu quyết tại ĐH.

Không đồng ý: 0 cổ phần, tỷ lệ 0% số CP có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Ý kiến khác: 0 cổ phần, tỷ lệ 0% số CP có quyền biểu quyết tại Đại hội.

**5.9. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của HĐQT; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty.**

ĐHĐCĐ thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của HĐQT; Quy chế hoạt động của Ban

kiểm soát Công ty theo báo cáo tại Đại hội như báo cáo tại tờ trình số: 37/TTr-CPC ngày 26/4/2021, với số cổ phần biểu quyết, cụ thể như sau:

Đồng ý: 192.449.007 cổ phần, đạt tỷ lệ 100% số CP có quyền biểu quyết tại ĐH.

Không đồng ý: 0 cổ phần, tỷ lệ 0% số CP có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Ý kiến khác: 0 cổ phần, tỷ lệ 0% số CP có quyền biểu quyết tại Đại hội.

#### **6. Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội.**

Thư ký Đại hội đã đọc toàn văn dự thảo Biên bản và dự thảo Nghị quyết Đại hội trước toàn thể Đại hội, Đại hội đã nhất trí thông qua các nội dung, cụ thể như sau:

Đồng ý: 192.449.007 cổ phần, đạt tỷ lệ 100% số CP có quyền biểu quyết tại ĐH.

Không đồng ý: 0 cổ phần, tỷ lệ 0% số CP có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Ý kiến khác: 0 cổ phần, tỷ lệ 0% số CP có quyền biểu quyết tại Đại hội.

#### **7. Bế mạc Đại hội:**

Đại hội bế mạc vào hồi 11 giờ 20 phút ngày 29/4/2021. Chủ tịch HĐQT Công ty Bùi Minh Tân - Chủ tọa Đại hội đã phát biểu bế mạc Đại hội.

Biên bản này đã được thông qua ngay sau khi kết thúc chương trình làm việc./.

**THƯ KÝ ĐẠI HỘI**



**Nguyễn Đăng Thành**

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**



**Bùi Minh Tân  
CHỦ TỊCH HĐQT**

## TỜ TRÌNH

V/v thông qua các nội dung tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2021  
Công ty cổ phần nhiệt điện Cẩm Phả-TKV

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần nhiệt điện Cẩm Phả-TKV.


HDQT Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần nhiệt điện Cẩm Phả - TKV xem xét thông qua các nội dung sau:

1. Báo cáo kết quả SXKD, đầu tư năm 2020 và Kế hoạch năm 2021;
2. Báo cáo về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và kế hoạch năm 2021;
3. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của HDQT, Giám đốc năm 2020, về việc thẩm định báo cáo tài chính năm 2020 và kế hoạch năm 2021;
4. Báo cáo về việc lựa chọn công ty kiểm toán BCTC năm 2021;
5. Báo cáo về phân chia cổ tức và phân phối lợi nhuận năm 2020 và dự kiến năm 2021;
6. Báo cáo tiền lương, thù lao của HDQT, BKS và Viên chức quản lý năm 2020. Thông qua tiền lương, thù lao của HDQT, BKS và Viên chức quản lý năm 2021;
7. Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2020;

8. Báo cáo về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; Quy chế quản trị nội bộ Công ty; Quy chế hoạt động của HĐQT; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty;

9. Các nội dung khác thuộc thẩm quyền đại hội;

*(Có các tài liệu kèm theo)*

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua. /s/ 

**Nơi nhận:**

- Các cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, TK, Website Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



  
**Bùi Minh Tân**

**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH, ĐẦU TƯ**  
**NĂM 2020, KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH, ĐẦU TƯ NĂM 2021**  
*(Kèm theo Tờ trình số 37 /TTr-CPC ngày 24/4/2021 của CPC*

Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng năm 2020 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua và Hội đồng quản trị (HDQT) giao tại Quyết định số 65/QĐ-CPC và Quyết định số 66/QĐ-CPC ngày 27/04/2020.

Giám đốc báo cáo Đại hội đồng cổ đông Công ty kết quả SXKD, ĐTXD năm 2020 và kế hoạch SXKD, ĐTXD năm 2021. Báo cáo bao gồm các nội dung như sau:

**PHẦN THỨ NHẤT**  
**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD, ĐTXD NĂM 2020**

**I. Đặc điểm tình hình**

- Trong năm 2020, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng lớn do tình hình dịch bệnh Covid- 19 trên toàn cầu làm giảm đáng kể nhu cầu tiêu thụ điện toàn hệ thống dẫn đến giá bán điện bình quân giảm, nguồn cung ứng vật tư nhập khẩu bị hạn chế, thiếu nguồn nhân lực chuyên gia nước ngoài hỗ trợ nhà máy khi cần thiết.

- Công ty triển khai thực hiện tháo gỡ khó khăn theo văn bản 177/BC-DLTKV và kế hoạch 25/KH-ĐLTKV của Tổng Công ty Điện lực - TKV làm tăng chi phí vật tư và thuê ngoài hỗ trợ sửa chữa;

- Việc thu xếp nguồn vốn ngắn hạn phục vụ SXKD gặp nhiều khó khăn do các chỉ số tài chính đều ở mức xấu, Tổng công ty phải đứng ra thu xếp phần lớn cho Công ty, các Ngân hàng đều từ chối cho vay gây khó khăn cho việc thu xếp nguồn vốn theo các quyết định đầu tư dự án. Ngoài khoản Tổng công ty thu xếp khoản vay tái cấu trúc để trả nợ đến hạn cho TKV, trong năm Công ty không thể thu xếp nguồn vốn dài hạn để tái cấu trúc nợ đến hạn để trả ngân hàng nên Công ty tiếp tục thiếu nguồn để trả nợ tiền than, dẫn đến công nợ tiền than cuối năm bị vượt hạn mức dư nợ trên 1.000 tỷ đồng.

- Tư tưởng của cán bộ công nhân cũng xuất hiện những dao động do các nhà máy mới trên địa bàn tuyển dụng và thu hút nguồn lao động đã có kinh nghiệm. Trong năm tổng số lao động xin chấm dứt hợp đồng, chuyển công tác hơn 30 người.

Tuy nhiên dưới sự lãnh đạo và chỉ đạo sát sao của Tập đoàn, của Tổng công ty và sự nỗ lực làm việc của cán bộ công nhân viên trong Công ty, năm 2020 Công ty đã đạt vượt mức sản lượng kế hoạch được giao.

**II. Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD, ĐTXD năm 2020**

**1. Thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh:**

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu năm 2020:

- Tổng sản lượng điện sản xuất trong năm là 3.653.872 MWh bằng 101,5% so với kế hoạch năm, trong đó sản lượng điện thương phẩm là 3.234.366 MWh và sản lượng điện tự dùng là 419.506 MWh.

- Tổng doanh thu trong năm là 4.779 tỷ đồng bằng 98,6% so với kế hoạch năm, trong đó doanh thu điện thương phẩm là 4.225 tỷ đồng, doanh thu điện tự dùng là 548,1 tỷ đồng và doanh thu khác là 5,5 tỷ đồng.

- Tổng chi phí là 5.363 tỷ đồng, bằng 110,9% so với kế hoạch năm.

- Lợi nhuận trong năm là (584) tỷ đồng.

Trong đó:

+ Chi phí phân bổ khoản chênh lệch tỷ giá treo lại 5 năm là: 465,5 tỷ đồng.

+ Nguyên nhân ảnh hưởng đến lợi nhuận trong năm 2020 do đơn giá thực hiện thấp hơn so với đơn giá kế hoạch. Giá bán điện bình quân là 1.306,42 đ/kWh, thấp hơn giá kế hoạch 39,61 đ/kWh. Giá bán điện bình quân giảm làm doanh thu điện thương phẩm giảm do đơn giá là 128,1 tỷ đồng. Giá bán điện bình quân giảm chủ yếu do giá CAN giảm, giá CAN năm 2020 là 63,5 đồng, giá CAN năm 2019 là 140,9 đồng. Giá bán điện bình quân năm 2020 thấp chủ yếu do tình hình dịch bệnh Covid 19 làm phụ tải giảm, giá thị trường ở mức rất thấp.

- Lao động bình quân: 468 người.

- Tiền lương bình quân: 14,22 triệu đồng/người/tháng.

*(Chi tiết như biểu kèm theo).*

## **2. Thực hiện kế hoạch đầu tư xây dựng:**

Kết quả ĐTXD 2020:

- Tổng giá trị thực hiện ĐTXD năm 2020 là: 68,58 tỷ đồng bằng 115,78 %.

Trong đó:

+ Xây dựng: 4,948 tỷ đồng;

+ Thiết bị: 62,267 tỷ đồng;

+ Tư vấn khác: 1,368 tỷ đồng.

## **3. Đánh giá việc thực hiện các mặt quản lý:**

### **a. Về công tác quản lý kỹ thuật**

- Công tác quản lý vận hành:

- Công tác chạy thử, chuyển đổi các thiết bị đã được thực hiện thường xuyên theo quy định.

- Lý lịch thiết bị: thực hiện việc cập nhật thường xuyên. Tổng số thiết bị được lập lý lịch thiết bị: 609 thiết bị.

- Ban hành được các quy định, phương án hướng dẫn vận hành phù hợp với điều kiện thực tế của hệ thống thiết bị trong dây chuyền sản xuất (8 chỉ thị và 46 phương án vận hành).

- Công tác diễn tập xử lý sự cố được thực hiện mỗi tháng một lần đối với 04 dịp vận hành.

- Hệ thống các quy trình vận hành đã được hiệu chỉnh, ban hành mới theo tiêu chuẩn ISO: Đã ban hành hoàn thiện 2 quy trình vận hành mới.

*- Công tác sửa chữa:*

Xây dựng kế hoạch sửa chữa theo quý, tháng, tuần để đảm bảo chuẩn bị vật tư, nhân lực. Trong quá trình thực hiện đều tiến hành theo dõi, giám sát để đảm bảo tiến độ, chất lượng sửa chữa. Sau công tác sửa chữa đều có tổng hợp đánh giá, rút kinh nghiệm.

Mặt khác khi các thiết bị có sự cố, Công ty cũng đã kịp thời có quyết định đưa thiết bị ra sửa chữa, lập kế hoạch sửa chữa cho từng hạng mục. Do vậy các công tác sửa chữa thường xuyên năm 2020 được tiến hành kịp thời cơ bản đảm bảo tiến độ và kế hoạch đề ra.

Một số hạng mục được sửa chữa trong năm như: hệ thống trạm dầu bypass hạ áp S1 và thay thế cụm xéc măng, van bypass hạ áp, cao áp lò hơi số 1, 2; đưa hệ thống cào rác trạm bơm tuần hoàn vào làm việc; Hoàn thiện công tác tiêu tu tổ máy S2, khởi động lại tổ máy đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và tiến độ đề ra; đưa thiết bị Bình gia nhiệt cao áp số 2 tổ máy số 1, Bơm ngưng 2A, ESP lò hơi số 3 vào vận hành ổn định.

*- Công tác sửa chữa tài sản cố định cấp trung đại tu:*

+ Các hạng mục năm 2019 chuyển sang năm 2020:

Năm 2020, có 11 hạng mục chuyển tiếp từ năm 2019 với tổng giá trị dự toán sau thuế được duyệt là 93.727.255.310 đồng.

Công ty hoàn thành sửa chữa cấp trung đại tu 7/11 hạng mục gồm: Bơm cấp 1A; Lọc bụi tĩnh điện lò 3; hệ thống DC 1 chiều tổ máy 1; bình gia nhiệt cao áp số 2 tổ máy số 1; van tái tuần hoàn bơm cấp 1A/1B/1C; máy xúc 02; hệ thống lấy mẫu hơi nước CP2 với tổng giá trị quyết toán sau thuế là 36.099.656.167 đồng. Các hệ thống sau TĐT đưa vào vận hành ổn định đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật.

Có 04 hạng mục chuyển tiếp sang năm 2021 bao gồm: hạng mục Bơm cấp 1C (đã lắp đặt chạy thử, tuy nhiên không đạt yêu cầu, nhà thầu đang hiệu chỉnh thông số bơm); 03 hạng mục năm 2020 không dùng lò hơi, tổ máy dài ngày để thực hiện hết các công việc của hợp đồng gồm lò hơi số 1, lò hơi số 2 và hệ thống DCS tổ máy số 1.

+ Các hạng mục trong kế hoạch thực hiện năm 2020:

Trên cơ sở kế hoạch trung đại tu năm 2020 được Tổng công ty thông qua tại văn bản số 769/ĐLTKV-KH ngày 19/5/2020, gồm 29 hạng mục, chia thành 18 gói thầu. Công ty rà soát dự toán, khối lượng chi tiết được phê duyệt từng hạng mục, từng gói thầu và lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu cho 18 gói thầu. Tổng giá trị dự toán sau thuế được phê duyệt của 29 hạng mục là 179.995.647.829 đồng.

Tính đến hết ngày 31/12/2020, Công ty đã tổ chức và hoàn thành tổ chức lựa chọn nhà thầu cho 18 gói thầu. Kết quả là lựa chọn được nhà thầu cho 14 gói thầu, hủy thầu 04 gói thầu (gồm có 03 gói thầu lập dự toán điều chỉnh để trình Tổng công ty xem xét phê duyệt và 01 gói thầu tổ chức đấu thầu lại trong tháng 01/2021). Công ty đã ký hợp đồng và thực hiện 14 gói thầu của 25 hạng mục trong đó hoàn thành 02 gói thầu của 03 hạng mục (hệ thống điều hòa trung tâm nhà hành chính và hệ thống điều hòa trung tâm Nhà điều khiển trung tâm; hệ thống báo cháy chữa cháy).

- Hoàn thành lập dự toán 3 hạng mục trung đại tu năm 2021 trình HĐQT, Tổng công ty phê duyệt. Hiện nay Tổng công ty đã phê duyệt các hồ sơ này.

- Hoàn thành phê duyệt quyết toán 6 hạng mục trung đại tu hoàn thành trong năm 2020.

**b. Công tác quản lý tài chính kế toán:**

Thực hiện quản lý và sử dụng vốn đúng mục đích.

Thực hiện đầy đủ chính sách thuế của Nhà nước, các chế độ chi trả bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, chi trả tiền lương và các khoản thanh toán cho người lao động đúng kỳ hạn.

Thực hiện tốt việc kiểm tra hồ sơ trước khi thanh toán cho các đơn vị cung cấp vật tư và dịch vụ theo quy định của các hợp đồng đã ký;

Quản lý chặt chẽ tài sản, vật tư tiền vốn, công nợ. Trong năm không phát sinh công nợ khó đòi, nợ quá hạn hoặc thất thoát tài sản;

Chủ động tìm kiếm, tháo gỡ các khó khăn về nguồn vốn phục vụ cho sản xuất.

Công ty thực hiện thu hồi công nợ tiền điện đúng hạn để đảm bảo nguồn thanh toán đúng kế hoạch đặt ra. Tổng số tiền thu được trong năm 2020: 4.579 tỷ đồng (đã thu tiền điện hết tháng 10/2020). Dòng tiền thu về luôn được ưu tiên thanh toán trả vay và lãi vay với Ngân hàng đúng hạn không để Công ty bị xếp hạng doanh nghiệp thấp.

Cân đối trả nợ trước hạn là cơ sở để Ngân hàng xếp hạng tín dụng, đảm bảo cho Công ty được hưởng lãi suất vay ngắn hạn ưu đãi. Công ty đã trả trước nợ trái phiếu 310 tỷ đồng vào ngày 01/4/2020 (trả trước 8 tháng) và 250 tỷ đồng vào ngày 25/9/2020 (trả trước 3 tháng) với lãi suất 9% so với lãi suất vay ngắn hạn của Tổng công ty tại VCB là 4,1% đã làm giảm chi phí lãi vay 14,5 tỷ đồng.

Công ty đã thu xếp vốn vay cho các dự án đầu tư tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với hạn mức 20 tỷ (đến 31/12/2020 đã giải ngân: 12,9 tỷ đồng, số còn lại giải ngân trong Quý I/2021). Thu xếp vốn vay của nhà thầu để thực hiện Dự án đầu tư tạo nguồn tài chính cho Công ty để triển khai các dự án đầu tư theo quy định, Công ty tiếp tục đưa hình thức này vào các hồ sơ mời thầu của các dự án đang triển khai. Công ty đã thu xếp vốn vay ngắn hạn tại Vietinbank với hạn mức hiện tại là 250 tỷ đồng, giải ngân ngày 19/6/2020.

Bên cạnh đó công tác tài chính đã được sự hỗ trợ rất lớn của Tổng Công ty, cụ thể như sau:

+ Về vay ngắn hạn, Tổng công ty đã thu xếp vốn vay ngắn hạn chủ yếu qua hình thức mở L/C để thanh toán tiền than cho TKV thời điểm 31/12/2020 dư vay ngắn hạn với Tổng công ty: 943 tỷ đồng, với kỳ hạn linh động đảm bảo được mức lãi suất tốt nhất cho Công ty, lãi suất thấp nhất là 3%/năm, cao nhất: 5,8%/năm.

+ Bên cạnh đó Tổng Công ty đã sử dụng nguồn nhân rồi để trả trước tiền than cho TKV đến hết năm 2020: 597 tỷ đồng, với lãi suất áp dụng cho khoản trả trước theo lãi suất tiền gửi có kỳ hạn tương ứng, bình quân khoảng 4,6%/năm.

Về công nợ tiền than và trả lãi vay cho TKV: đến 31/12/2020 công nợ tiền than với Tổng công ty là: 2.009,9 tỷ đồng. Năm 2020, Công ty đã thực hiện trả hết nợ lãi vay và lãi chậm trả tiền than cho TKV với tổng số tiền 430,5 tỷ đồng, tuy nhiên đã ảnh hưởng làm tăng công nợ tiền than với Tổng Công ty.

Một số chỉ tiêu kinh tế, tài chính như sau:



STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020
1	Doanh thu	Tr đ	4 293 777	4 230 936
2	Nộp ngân sách	Tr đ	77 965	88 880
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr đ	9 000	- 583 962

### c. Công tác quản lý vật tư:

Bám sát các quy chế, công văn hướng dẫn về công tác quản lý vật tư của TKV và Tổng công ty, Công ty tổ chức cập nhật, rà soát triển khai ban hành lại các quy định để đồng bộ theo các văn bản hướng dẫn của ngành.

Việc quản lý và cấp phát vật tư cơ bản đã tuân theo quy chế về quản lý vật tư, công tác theo dõi sổ sách cập nhật các chứng từ thẻ kho đúng quy định. Việc tổ chức sắp xếp, bảo quản, cấp phát vật tư trong kho luôn được kiện toàn nhằm thuận tiện cho việc cấp phát cũng như theo dõi, quản lý.

Xây dựng phương án vật tư thay thế trong tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp đáp ứng tính liên tục của sản xuất.

Cung ứng kịp thời vật tư đáp ứng được yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời trong quá trình thực hiện đã tuân thủ những quy định hiện hành;

Thực hiện nghiêm chỉnh chế độ báo cáo theo quy định của Tổng công ty bao gồm các báo cáo định kỳ hàng tháng, quý và báo cáo nhanh theo yêu cầu quản lý, báo cáo qua mạng máy tính theo hướng dẫn của Tổng công ty.

Tăng cường công tác bảo vệ kho để tránh mất mát tài sản của Công ty.

Thực hiện mua sắm cả năm cho các nguyên liệu chính: xăng dầu, đá vôi, hóa chất, than.

Thực hiện mua sắm cả năm vật tư sửa chữa thường xuyên năm 2020: xích băng tải cấp 3, vòng bi, vật tư gia công chế tạo.

Trong năm 2020, do dịch bệnh Covid-19 trên toàn cầu ảnh hưởng nguồn cung ứng vật tư, đặc biệt nguồn gốc xuất xứ tại Mỹ hoặc châu Âu, Ấn Độ. Tuy nhiên, công tác vật tư đã cố gắng đảm bảo cung ứng kịp thời vật tư cho sản xuất, phục vụ khắc phục sự cố dừng lò hơi và sửa chữa sự cố tua bin S2 ngày 10/5/2020, sửa chữa tổ máy S1 (tháng 8/2020), tuân thủ quy định hiện hành của Tổng công ty và của Công ty ban hành.

### d. Công tác kế hoạch, quản trị chi phí:

Công tác xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng tháng đã thực hiện tốt trên cơ sở điều kiện, năng lực sản xuất của Công ty gắn với thị trường và làm cơ sở để các đơn vị trong Công ty triển khai thực hiện.

Xây dựng và hoàn chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2020 để làm cơ sở và xây dựng các kế hoạch triển khai trong thời gian tới.

Theo dõi và tập hợp các chi phí sản xuất trong tháng, quý kịp thời, theo dõi, tổng hợp khối lượng nghiệm thu sản lượng hàng tháng đã đi vào nề nếp phục vụ công tác quản lý và điều hành của Công ty và các yêu cầu quản lý của cấp trên.

Công tác lập, quản lý các hợp đồng kinh tế và thanh lý hợp đồng chặt chẽ đảm bảo các quy định theo pháp luật và kịp thời đã giúp tháo gỡ các vướng mắc trong việc cung cấp vật tư, thiết bị và các dịch vụ liên quan phục vụ sản xuất.

Công tác tổ chức lựa chọn nhà thầu các gói thầu mua sắm vật tư phục vụ sản xuất, các gói thầu dịch vụ thuê ngoài khác được thực hiện theo đúng quy định pháp luật hiện hành về đấu thầu.

Công tác lập dự toán, thanh quyết toán việc cải tạo, sửa chữa máy móc thiết bị, vật kiến trúc đảm bảo đúng quy trình, quy định.

**e. Công tác quản lý đầu tư xây dựng:**

Công tác quản lý ĐTXD 2020 được thực hiện trên cơ sở kế hoạch giao.

- Thực hiện kế hoạch ĐTXD

+ Giá trị thực hiện ĐTXD cơ bản 68,58 tỷ đồng bằng 115,78 % kế hoạch năm, chi tiết như sau:

*ĐVT: triệu đồng*

Stt	Tiêu chí	Theo kế hoạch điều chỉnh	Thực hiện cả năm 2020	Thực hiện/Kế hoạch (%)
1	Tổng giá trị đầu tư xây dựng:	59.235	68.583	115,78
	+ Xây dựng:	1.097	4.948	
	+ Thiết bị:	56.751	62.267	
	+ CP tư vấn và khác:	1.386	1.368	
2	- Giá trị đã giải ngân		26.711	

*(i) Các dự án đang thực hiện trong năm 2020.*

- Dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất 2019, dự án có 03 gói thầu: đã hoàn thành các gói thầu số 1 “Đầu tư thiết bị hệ thống khí nén” và gói thầu số 3 “Đầu tư các thiết bị hệ thống phân tích mẫu hơi, nước tự động Tổ máy S1”. Riêng đối với gói thầu số 2 “Đầu tư thiết bị cân bằng tải, thiết bị phóng xạ ắc quy và thiết bị đo kiểm tra các thiết bị đo lường”: do yêu cầu đảm bảo sản xuất nên công tác chạy thử hiệu chỉnh bàn giao thiết bị các cân bằng tải chuyển tiếp sang năm 2021.

- Dự án đầu tư nâng cấp hệ thống giám sát độ rung các thiết bị chính: đã hoàn thành, Công ty đã phê duyệt báo cáo quyết toán dự án hoàn thành tại Quyết định số 104/QĐ-CPC ngày 26/10/2020.

- Dự án đầu tư hệ thống thiết bị và phần mềm giám sát rò rỉ bình ngưng NMNĐ Cẩm Phả: đã hoàn thành, Công ty đang thẩm tra báo cáo quyết toán dự án hoàn thành theo quy định.

- Dự án đầu tư tháp giải nhiệt nước làm mát tuần hoàn kín, NMNĐ Cẩm Phả: đã hoàn thành, Công ty đang thực hiện kiểm toán Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành.

*(ii) Các dự án khởi công mới (02 dự án).*

- Dự án đầu tư xây dựng hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn TCVN ISO 14001:2015: đã hoàn thành, Công ty đang thẩm tra báo cáo quyết toán dự án hoàn thành theo quy định.

- Dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất 2020, dự án có 6 gói thầu: đã hoàn thành các gói thầu số 2 “Đầu tư thiết bị cân than định lượng máy cấp than lò hơi” và gói thầu số 5 “Đầu tư máy điều hòa cục bộ 68.000BTU”; đang thực hiện các gói thầu số 1 “Đầu tư thiết bị cụm đầu nén quạt cao áp van J 3B và 4B lò hơi số 3, 4”, gói thầu số 3 “Đầu tư máy lọc dầu EH Tổ máy S1 và S2” và gói thầu số 4 “Đầu tư cụm van nước cấp lò hơi số 1”.

(iii). Điều tra, khảo sát, quy hoạch, chuẩn bị dự án (03 dự án)

- Dự án đầu tư thay thế các bộ làm mát xi đáy lò hơi: hiện Tổng công ty đang tổ chức xem xét để thông qua Dự án theo báo cáo số 112/BC-CPC ngày 15/01/2021 của Công ty.

- Dự án cải tạo đường ống dẫn nước hệ thống nước làm mát tuần hoàn hở (làm mát bình ngưng bằng nước biển): đang tổ chức lựa chọn nhà thầu các gói thầu số 1: Đầu tư mới phao chắn rác tại kênh nhận nước tuần hoàn và gói thầu số 2: Đầu tư cải tạo đường ống nước tuần hoàn hở Tổ máy S2.

- Dự án đầu tư hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục và kết nối về Sở TNMT tỉnh: đang tổ chức tổ chức lựa chọn nhà thầu các gói thầu chính của Dự án.

(iv). Quyết toán các dự án hoàn thành:

- Các dự án hoàn thành trong năm 2020: đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành 01 dự án.

- Quyết toán các dự án NMNĐ Cẩm Phả và NMNĐ Cẩm Phả 2: HĐQT Công ty đã phê duyệt quyết toán hoàn thành tại các quyết định số 67 và 68/QĐ-CPC ngày 27/4/2020 sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua.

#### **f. Công tác quản lý về Tổ chức, Lao động, Tiền lương:**

Công tác tổ chức: đã tiến hành điều động, luân chuyển, bổ nhiệm và bổ nhiệm lại cán bộ các phòng ban, phân xưởng, điều chỉnh lại một số chức danh vị trí làm việc một số bộ phận cho phù hợp với dây chuyền sản xuất. Bổ nhiệm mới 01 phó phòng; bổ nhiệm lại 08 người, luân chuyển trong Tổng công ty 01 người, nghỉ chế độ hưu trí 01 người, chấm dứt hợp đồng lao động là 32 người. Số lao động cuối kỳ: 451 người (không bao gồm Giám đốc Công ty).

Công tác quản lý lao động: đã quan tâm hơn về việc quản lý lao động và việc chấp hành thời gian làm việc; đã tổ chức kiểm tra công tác quản lý lao động và các vị trí làm việc của cán bộ nhân viên từ đó có các biện pháp chấn chỉnh kịp thời việc chấp hành nội quy lao động.

Công tác tinh giản lao động, xã hội hóa: đã thực hiện xã hội hóa xong bộ phận cấp dưỡng, bảo vệ. Tiếp tục xây dựng phương án xã hội hóa bộ phận VSCN và bộ phận lái xe tro xi; Xây dựng kế hoạch tinh giản lao động để đảm bảo lao động theo định biên của ĐLTKV giao. Tiếp tục tuyên truyền cho người lao động biết việc tái cơ cấu lực lượng lao động các bộ phận của Công ty.

Công tác tiền lương: sửa đổi, bổ sung hệ thống thang lương, bảng lương và các chế độ phụ cấp lương; Quy định trả lương các chức danh ngành nghề áp dụng thực hiện ngay từ đầu năm để đảm bảo quyền lợi cho người lao động, tiếp tục triển khai rà soát, sắp xếp lại một số bậc lương, mức tiền lương theo chế độ mới. Thực hiện việc phân phối tiền lương và thu nhập chính xác, công bằng.

Công tác tổ chức đào tạo: tổ chức kèm cặp nâng bậc cho 169 công nhân kỹ thuật. Thực hiện cử 59 lượt người tham dự các lớp học tập nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ. Phối hợp với trường Đại học Bách Khoa Hà Nội mở lớp đào tạo nâng cao kiến thức nhà máy nhiệt điện cho 128 người. Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ năm 2020 theo yêu cầu trong giai đoạn tái cơ cấu, tinh giản lao động.

Công tác thanh tra, pháp chế: soạn thảo và ban hành các Quy chế quản lý nội bộ để hướng dẫn thực hiện tại các đơn vị; phổ biến kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật và các quy chế, quy định của Tập đoàn, Tổng công ty; triển khai thực hiện kịp thời các giải pháp phòng ngừa như: tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, công khai minh bạch trong các hoạt động của đơn vị, thường xuyên và định kỳ tổ chức các cuộc kiểm tra để kịp thời chấn chỉnh, khắc phục những bất cập, tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý trên các lĩnh vực; xử lý nghiêm các trường hợp sai phạm.

#### **h. Công tác quản lý về ATVSLĐ, PCCC, Bảo vệ môi trường, PCTT:**

##### **\* Công tác AT-VSLĐ, PCCC**

Trong năm không có vụ tai nạn lao động chết người; không có người mắc bệnh nghề nghiệp; không có sự cố thiết bị gây tai nạn lao động.

- Các biện pháp về kỹ thuật an toàn: kiểm tra nhắc nhở, phổ biến, tuyên truyền người lao động chấp hành và thực hiện đúng, đủ các biện pháp KTAT trước khi tiến hành công việc, trong năm Công ty đã tổ chức triển khai một số biện pháp như: tăng cường cơ cấu che chắn an toàn cho toàn bộ các ru lô của hệ thống băng tải than bằng phương pháp tăng độ dày mắt lưới của các bao che; Lắp đặt 20 m<sup>2</sup> hệ mặt sàn công tác tại khu vực hồ bình ngưng CP1 và CP2; 30 m<sup>2</sup> hệ mặt sàn công tác tại máy cấp than cấp 2 tại lò hơi số 2, 4; đo kiểm hệ thống chống sét công trình toàn nhà máy; kiểm định 310 thiết bị nâng; thiết bị chịu áp lực và thiết bị khống chế áp lực.

- Công tác PCCC: đã ban hành 36 văn bản chỉ đạo về công tác PCCC và cứu nạn, cứu hộ. Công tác kiểm tra thực hiện hàng quý nhằm kịp thời phát hiện những sơ hở, thiếu sót về an toàn PCCC đồng thời có biện pháp khắc phục đảm bảo các phương tiện thường xuyên hoạt động tốt, sẵn sàng báo cháy và chữa cháy khi có cháy xảy ra. Công tác huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; công tác đầu tư mua sắm phương tiện PCCC được thực hiện theo đúng quy định. Trong năm đã không để xảy ra trường hợp cháy nổ nào.

- Công tác tuyên truyền, huấn luyện an toàn được chú trọng thực hiện đầy đủ và nghiêm túc theo quy định, góp phần nâng cao nhận thức về công tác AT-VSLĐ. Kết hợp với tổ chức Công đoàn tổ chức Hội thi AT-VSV lần thứ V - năm 2020 và tổ chức Lễ mít tinh phát động hưởng ứng tháng hành động về AT-VSLĐ, tháng công nhân năm 2020.

- Việc thực hiện mua sắm và cấp phát trang bị BHLĐ cho người lao động thực hiện theo đúng kế hoạch đề ra, các loại trang bị BHLĐ đảm bảo phù hợp với từng ngành nghề và điều kiện thực hiện công việc của người lao động.

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho 100% cán bộ công nhân viên theo kế hoạch và đúng chế độ cho người lao động. Kết hợp với Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh tổ chức đo kiểm môi trường lao động theo quy định.

**\* Công tác môi trường:**

- Thực hiện đầy đủ nội dung theo yêu cầu tại báo cáo đánh giá tác động môi trường và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Các hệ thống xử lý môi trường về khí thải, nước thải, hệ thống nước làm mát của nhà máy luôn được vận hành ổn định, hiệu quả, đảm bảo không vượt nồng độ cho phép theo các quy chuẩn về môi trường như QCVN 22:2009/BTNMT; QCVN 40:2011/BTNMT.

- Thực hiện công tác bảo vệ môi trường tại bãi chứa tro xỉ: triển khai các biện pháp chống phát tán bụi ra môi trường xung quanh dọc tuyến đường vận chuyển và ngoài bãi chứa như tưới đường, lu lèn bề mặt bãi xỉ, chống phát tán bụi. Tổ chức trồng 20.000 cây phi lao xung quanh bãi chứa tro xỉ; quy hoạch, đánh chuyển 30 cây xanh; đắp bổ sung hệ thống đê bao, đào các hố lắng và đào hệ thống mương thu nước mưa bề mặt xung quanh bãi chứa tro xỉ có chiều dài khoảng 2.000 m; tiến hành che phủ bạt 20.000 m<sup>2</sup> bề mặt bãi chứa tro xỉ phía Bắc; lắp đặt hệ thống phun sương dập bụi trên tuyến đường vận chuyển và các khu vực đò, bốc xúc tro xỉ; che lưới chống bụi trên tuyến đê phía bắc bãi chứa tro xỉ giáp khu dân cư, chiều dài toàn tuyến là 400 m, chiều cao lưới là 5 m; lắp đặt hồ điều hòa để thu nước mưa chảy tràn; lắp đặt hệ thống súng phun nước bán kính lớn để tưới ẩm, dập bụi toàn bãi chứa tro xỉ.

- Thực hiện cải tạo, trồng mới các bồn hoa khu vực văn phòng Công ty, tẩy nấm mốc và sơn trắng hơn 5.000 mét gạch block vỉa hè dọc theo tuyến đường nội bộ, rải đá trắng trên diện tích 1.830 m<sup>2</sup> tại khu vực vườn cây nhà ăn công nhân.

- Đã tăng cường tìm kiếm các đối tác tiêu thụ tro xỉ, đến nay toàn bộ tro xỉ sinh ra trong quá trình sản xuất đã được tiêu thụ cho các khách hàng làm phụ gia xây dựng, làm san lấp mặt bằng. Vận chuyển tro xỉ trên bãi đi san lấp cho các khu công nghiệp giảm dần lượng tro xỉ còn tồn bầy lâu nay.

Tổng khối lượng tro xỉ tiêu thụ năm 2020 là 446.000 tấn, tổng khối lượng tro xỉ thuê ngoài vận chuyển sang Khu công nghiệp Cẩm Thịnh năm 2020 là 524.000 tấn.

**i. Công tác an ninh quốc phòng, chăm lo sức khỏe đời sống người lao động, thi đua và phong trào văn hóa thể thao, xã hội cộng đồng**

Năm 2020 công tác an ninh quốc phòng của Công ty phát triển trên các mặt công tác như: xây dựng lực lượng tự vệ, dự bị động viên; công tác huấn luyện, diễn tập chiến đấu, hội thi hội thao; công tác bồi dưỡng, giáo dục Quốc phòng và an ninh; công tác chính trị, tư tưởng, tuyên truyền, thi đua; công tác chính sách hậu phương Quân đội... Công ty được UBND thành phố Cẩm Phả tặng Giấy khen vì có nhiều thành tích trong công tác Quốc phòng, Quân sự địa phương.

Công ty đã chăm lo và cải thiện điều kiện làm việc cho CBCNV, quan tâm và chăm lo chế độ độc hại, ăn ca theo quy định của Nhà nước;

Thực hiện nghiêm túc công tác trực và hỗ trợ y tế 24/24 giờ tại hiện trường và thăm khám sức khỏe định kỳ cho 466 CBCNV, khám sức khỏe cho công nhân tiếp xúc với độc hại là 249 người, công tác phun thuốc phòng dịch, đo môi trường lao động...luôn thực hiện theo đúng quy chế, quy định của Công ty.

Kiểm tra công tác vệ sinh trong bảo quản và chế biến thực phẩm tại các bếp ăn của đơn vị thuê ngoài.

Thường xuyên tổ chức các đợt phát động thi đua theo các chủ đề, theo tháng, quý, năm và bình xét thi đua năm 2020 nhằm động viên người lao động kịp thời, đúng người, đúng thời điểm.

Tổ chức cho khoảng 400 CBCNV đi thăm quan nghỉ mát tại Vịnh Hạ Long.

Công tác rèn luyện văn hóa thể thao vẫn được duy trì phát triển tốt. Tổ chức giải thể thao tại Công ty như bóng chuyền hơi, bóng bàn, cầu lông. Cử CBCNV tham gia giải bóng bàn, cầu lông, bóng chuyền hơi, tennis do Tổng công ty tổ chức.

Phối hợp với các đơn vị tham gia các hoạt động xã hội với Tổng công ty, địa phương và các đơn vị bạn, ủng hộ trẻ em nghèo, khuyết tật, hỗ trợ nạn nhân chất độc da cam... với số tiền là 164 triệu đồng.

## **PHẦN THỨ HAI**

### **KẾ HOẠCH SXKD, ĐTXD VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NĂM 2021**

#### **I. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng năm 2021**

Kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2021 đã được Tổng công ty thông báo tại các văn bản số 2172/ĐLTKV-KH ngày 21/12/2020 và văn bản số 98/ĐLTKV-ĐT ngày 13/01/2021.

##### **1. Các chỉ tiêu chủ yếu về SXKD**

- Sản lượng điện sản xuất: 3.750 triệu kWh.
- Doanh thu: 4.984 tỷ đồng.
- Lợi nhuận: 8,9 tỷ đồng.
- Lao động bình quân: 394 người.
- Tiền lương: 14,990 triệu đồng/người/tháng.

*(Chi tiết như biểu kèm theo)*

##### **2. Các chỉ tiêu chủ yếu về ĐTXD**

- Giá trị kế hoạch ĐTXD 2021 là 41,752 tỷ đồng, trong đó:
  - + Xây dựng là: 6,087 tỷ đồng;
  - + Thiết bị là: 34,755 tỷ đồng;
  - + Quản lý, tư vấn, GPMB, khác là: 0,91 tỷ đồng.

#### **II. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu**

##### **1. Nhiệm vụ, giải pháp tổng quát:**

Tái cấu trúc Công ty theo văn bản 1045/TB-ĐLTKV ngày 07/06/2019 của Tổng công ty Điện lực - TKV về việc tái cơ cấu Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV (CPC) theo hình thức chuyển CPC thành chi nhánh của Tổng công ty Điện lực - TKV.

Tập trung cao độ và mọi nguồn lực để thực hiện triệt để các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho Cẩm Phả trong năm 2021.

Không ngừng phát huy tinh thần chủ động dám nghĩ, dám làm, cùng với tinh thần kỷ luật và đồng tâm phấn đấu cao nhất thúc đẩy sản xuất phát triển; cải thiện môi trường làm việc; tăng cường áp dụng khoa học công nghệ mới; nâng cao năng suất, chất lượng; vận hành hiệu quả nhà máy; đảm bảo an toàn cho người và thiết bị; nâng cao thu nhập cho người lao động.

## **2. Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể**

Nhằm thực hiện tốt mục tiêu chủ yếu nêu trên, Công ty tập trung chỉ đạo và thực hiện tốt các nhóm giải pháp sau đây:

Tuyên truyền sâu rộng các mục tiêu nhiệm vụ năm 2021, các khó khăn, vướng mắc của Công ty, phổ biến các quy định, các chế độ chính sách liên quan đến chế độ tiền lương và phân phối thu nhập để người lao động hiểu rõ và thực hiện;

Tạo sự đoàn kết, thống nhất cao trong ban lãnh đạo, các phòng, đơn vị trong công tác quản lý và điều hành đáp ứng mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021;

Tiếp tục điều chỉnh công tác tổ chức quản lý và điều hành phù hợp nhằm phát huy được sức mạnh và các nguồn lực về lao động của cán bộ công nhân viên;

Nâng cao ý thức trách nhiệm của mỗi tập thể, cá nhân làm tròn trách nhiệm và nghĩa vụ của mình để hoàn thành nhiệm vụ chung của đơn vị và của Công ty;

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các thông số trong quá trình vận hành; Tiếp tục xem xét chỉnh sửa, biên soạn và ban hành các quy trình vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị cùng các nội quy, quy định nhằm đảm bảo vận hành an toàn hiệu quả các thiết bị và dây chuyền sản xuất;

Thực hiện tốt công tác “tháo gỡ khó khăn”, tập trung giải quyết triệt để các vấn đề kỹ thuật còn tồn tại của các hệ thống nhằm đưa thiết bị vào hoạt động ổn định và hiệu quả;

Thực hiện tốt việc trung đại tu và duy tu máy móc thiết bị đúng định kỳ nhằm giảm thiểu các hư hỏng đột xuất làm ảnh hưởng đến công suất phát điện của các tổ máy và tăng tuổi thọ cũng như thời gian vận hành các thiết bị trong dây chuyền sản xuất;

Tổ chức và thực hiện nghiêm túc công tác huấn luyện an toàn, kiểm tra sát hạch định kỳ cho các đối tượng theo đúng quy định, triển khai tốt các biện pháp, giải pháp khắc phục triệt để những nguy cơ gây mất an toàn và khắc phục triệt để các kiến nghị của các đoàn thanh tra, kiểm tra;

Hoàn thiện các quy định về quản lý vật tư, tiền lương, về đầu tư xây dựng công trình... trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành, của các cấp quản lý nhưng phải tháo gỡ được các tồn tại, vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh; lập kế hoạch dự trữ vật tư, thiết bị hợp lý nhằm đảm bảo cho quá trình sản xuất được liên tục và quá trình sửa chữa các thiết bị trong dây chuyền;

Tập trung chi phí cho việc sửa chữa các thiết bị trong dây chuyền chính, các nội dung công việc để duy trì và phát triển sản xuất;

Tiếp tục thử nghiệm và lựa chọn chủng loại than phù hợp nhằm giảm suất tiêu hao than và chi phí về tiền than, đồng thời kiểm soát tốt hơn nữa việc quản lý và sử dụng than của Nhà máy;

Kiểm soát chặt chẽ và có các biện pháp cụ thể về các định mức việc tiêu hao điện tự dùng, xăng dầu và các loại hoá chất nhằm tiết kiệm và giảm các chi phí sản xuất để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh;

Tiến hành tổ chức việc đấu thầu và lựa chọn các nhà thầu cung ứng các loại vật tư ổn định, có giá trị lớn để Công ty chủ động trong việc cung cấp các nguồn hàng với giá cả hợp lý;

Tiếp tục thực hiện công tác xã hội hoá bộ phận vệ sinh công nghiệp và tạp vụ văn phòng đảm bảo các nguyện vọng chính đáng cho người lao động.

Trên đây là toàn bộ nội dung báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông Công ty năm 2021. Giám đốc xin báo cáo và cam kết tổ chức lãnh đạo hoàn thành các nhiệm vụ kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho năm 2021.

Trân trọng! ✓

**Nơi nhận:**

- Cổ đông Công ty;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, TK ✓



**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Trung Thực**



**BÁO CÁO TỔNG HỢP THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH NĂM 2020**

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	TH/KH (%)
<b>I</b>	<b>Sản xuất điện</b>				
	Điện sản xuất	MWh	3 600 000	3 653 872	101,5%
	Điện thương phẩm	MWh	3 189 960	3 234 366	101,4%
	Điện tự dùng	MWh	410 040	419 506	102,3%
<b>II</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>4 845 702</b>	<b>4 779 016</b>	<b>98,6%</b>
	Doanh thu điện thương phẩm	"	4 293 777	4 225 444	98,4%
	Doanh thu điện tự dùng	"	551 925	548 080	99,3%
	Doanh thu khác	"		5 492	
<b>III</b>	<b>Chi phí</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>4 836 702</b>	<b>5 362 978</b>	<b>110,9%</b>
<b>IV</b>	<b>Lợi nhuận</b>		<b>9 000</b>	<b>- 583 962</b>	
<b>V</b>	<b>Lao động và thu nhập</b>				
	Lao động định mức, trong đó	người	435	468	107,6%
	Tiền lương bình quân	Trđ/ng/t h	15,00	14,22	94,8%
<b>VI</b>	<b>Đầu tư XDCB</b>	<b>tr.đồng</b>	<b>59 235</b>	<b>68 583</b>	<b>115,8%</b>
1	Xây dựng	-	1 097	4 948	451,0%
2	Thiết bị	-	56 751	62 267	109,7%
3	CP tư vấn và khác	-	1 386	1 368	98,7%
<b>VII</b>	<b>Các định mức KTKT</b>				
1	Suất tiêu hao than	kg/kWh	0,632	0,6209	98,2%
2	Điện động lực	%	11,59	11,88	102,5%
3	Nước công nghiệp	m3/MWh	0,29	0,288	99,3%

**TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU KỸ THUẬT, CÔNG NGHỆ NĂM 2020**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch Năm 2020	Thực hiện Năm 2020	TH/KH (%)
<b>I</b>	<b>Sản lượng điện</b>				
	Sản lượng thô	MWh	3 600 000	3 653 872	101,5%
	Sản lượng tinh	MWh	3 189 960	3 234 366	101,4%
	Sản lượng điện tự dùng	MWh	410 040	419 506	102,3%
	Tỉ lệ điện tự dùng	%	11,39	11,48	100,8%
	Sản lượng điện mua ngoài	MWh	7 200	14 581	202,5%
	Tỉ lệ điện mua ngoài	%	0,20%	0,40%	199,5%
	Số giờ vận hành	Giờ	5 455	5 536	
	Số lần sự cố	Lần		31	
<b>II</b>	<b>Suất tiêu hao nguyên, nhiên liệu</b>				
<b>1</b>	<b>Than</b>	Tấn	2 275 200	2 268 827	
	Suất tiêu hao than	kg/kWh	0,632	0,621	98,2%
<b>2</b>	<b>Đá vôi</b>	Tấn	133 200	40 450	
	Suất tiêu hao đá vôi	kg/kWh	0,037	0,011	29,9%
<b>3</b>	<b>Dầu khởi động</b>	1000 lít	1 794	4 586	
	Số lần khởi động		25	55	
	Khởi động lạnh	Lần		46	
	Khởi động nóng	Lần		9	
	Tiêu hao dầu cho các lần khởi động	Tấn			
	Khởi động lạnh	Lít/lần	87 000	82 576	
	Khởi động nóng	Lít/lần	47 000	66 108	
	Tiêu hao dầu đốt kèm	Lít/lần	166 000	192 423	
<b>III</b>	<b>Tro xỉ</b>				
	Tổng lượng tro	Tấn	1 271 071	1 264 020	
<b>IV</b>	<b>Hóa chất</b>				
<b>A</b>	<b>Lượng tiêu hao</b>		1 058 400	1 091 699	
	HCL	kg	266 400	335 800	
	NaOH	kg	302 400	492 154	
	Amoniac	kg	7 200	2 180	
	Phosphat (Na <sub>3</sub> PO <sub>4</sub> )	kg	3 600	2 175	
	Hydrazine	kg	1 800	1 690	
	Clo lỏng Cl <sub>2</sub>	kg	477 000	257 700	
<b>B</b>	<b>Suất tiêu hao</b>				
	HCL	g/kWh	0,074	0,092	124,2%
	NaOH	g/kWh	0,084	0,135	160,3%
	Amoni	g/kWh	0,002	0,001	29,8%
	Phosphat (Na <sub>3</sub> PO <sub>4</sub> )	g/kWh	0,001	0,001	59,5%
	Hydrazine	g/kWh	0,0005	0,0005	92,5%
	Clo lỏng Cl <sub>2</sub>	g/kWh	0,1325	0,0705	53,2%
<b>V</b>	<b>Nước công nghiệp</b>				
	Suất tiêu hao nước thô	m <sup>3</sup> /kWh	0,29	0,288	99,3%

**CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2021**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Sản lượng điện</b>			
1	Điện sản xuất	MWh	3 750 000	
2	Điện thương phẩm	-	3 322 875	
3	Giá bán điện	đồng/kWh	1 329	
<b>II</b>	<b>Doanh thu</b>		<b>4 984 222</b>	
	Doanh thu điện thương phẩm	tr.đồng	4 416 519	
	Doanh thu nội bộ	-	567 703	
<b>III</b>	<b>Chi phí</b>	-	<b>4 975 322</b>	
1	Chi phí trung gian	-	4 303 106	
-	Nguyên vật liệu	-	121 441	
-	Nhiên liệu	-	3 224 146	
-	Động lực	-	579 688	
-	Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	99 061	
-	Chi phí khác	-	278 770	
	Trong đó: Lãi vay	-	242 078	
2	Giá trị gia tăng	-	613 922	
	Khấu hao TSCĐ	-	533 668	
	Tiền lương	-	72 175	
	- Tiền lương sản xuất		69 794	
	- Tiền lương viên chức quản lý		2 381	
	BHXH, YT, CĐ	-	8 079	
3	Chi phí Trung đại tu		58 294	
<b>IV</b>	<b>Lợi nhuận</b>	-	<b>8 900</b>	
<b>V</b>	<b>Lao động và thu nhập</b>			
	Lao động	người	394	
	Tiền lương bình quân	trđ/ng/th	14,99	
	Đơn giá tiền lương	đ/1000.đ DT	15,8	
<b>VI</b>	<b>Đầu tư XDCB</b>	<b>tr.đồng</b>	<b>41 752</b>	
1	Xây dựng	-	6 087	
2	Thiết bị	-	34 755	
3	CP tư vấn và khác	-	910	
<b>VI</b>	<b>Các định mức KTKT</b>			
1	Suất tiêu hao than	kg/kWh	0,632	
2	Điện động lực	%	11,59	
3	Nước công nghiệp	m <sup>3</sup> /MWh	0,29	

## BÁO CÁO

### Hoạt động của HĐQT năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021

(Kèm theo Tờ trình số 31 /TTr-CPC ngày 26/4/2021 của CPC)

#### I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CÔNG TY NĂM 2020

Trong năm 2020, HĐQT Công ty với vai trò trách nhiệm là đại diện cho các cổ đông, đã tập trung chỉ đạo thực hiện các giải pháp nhằm đảm bảo duy trì và phát triển SXKD, đầu tư với mục tiêu hướng tới việc hoàn thành kế hoạch SXKD, đầu tư năm 2020 của Công ty và quản lý, sử dụng vốn, tài sản có hiệu quả đã được ĐHCĐ năm 2020 thông qua.

Với sự chỉ đạo, giúp đỡ của Tập đoàn TKV và Tổng công ty Điện lực-TKV, cùng với sự nỗ lực cố gắng của Ban điều hành, các Phòng, Phân xưởng và tập thể cán bộ, người lao động trong Công ty, các bạn hàng, đối tác và sự giám sát của Ban kiểm soát, Công ty đã đạt được kết quả cụ thể như sau:

##### 1. Về sản xuất kinh doanh:

TT	Các chỉ tiêu	DVT	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	TH/KH (%)
<b>I</b>	<b>Sản xuất điện</b>	MWh	<b>3 600 000</b>	<b>3 653 872</b>	<b>101,5%</b>
	- Điện thương phẩm	MWh	3 189 960	3 234 366	101,4%
	- Điện tự dùng	MWh	410 040	419 506	102,3%
<b>II</b>	<b>Doanh thu</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>4 845 702</b>	<b>4 779 016</b>	<b>98,6%</b>
<b>1.1</b>	<b>DT điện</b>		<b>4 845 702</b>	<b>4 773 524</b>	<b>98,5%</b>
	- Doanh thu điện thương phẩm	"	4 293 777	4 225 444	98,4%
	- Doanh thu điện tự dùng	"	551 925	548 080	99,3%
<b>1.2</b>	<b>Doanh thu khác</b>	"		5 492	
<b>III</b>	<b>Tổng chi phí</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>4 836 702</b>	<b>5 362 978</b>	<b>110,9%</b>
<b>IV</b>	<b>Lợi nhuận (bao gồm CLTG)</b>		<b>9 000</b>	<b>- 583 962</b>	
<b>V</b>	<b>Giá thành, giá bán</b>				
	- Giá bán điện bình quân		1 346	1 306	97,1%
	- Giá thành			1 488	
<b>VI</b>	<b>Lao động và thu nhập</b>				
	- Lao động định mức, trong đó	người	435	468	107,6%
	- Tiền lương BQ theo đ mức	trđ/ng/th	15,00	14,22	94,8%

##### 2. Về đầu tư:

Kết quả Đầu tư xây dựng năm 2020:

Năm 2020 Công ty được giao kế hoạch Đầu tư xây dựng điều chỉnh là 59,235 tỷ đồng; đến hết năm 2020 Công ty đã thực hiện Tổng giá trị là: 68,583 tỷ đồng, đạt 115,78% kế hoạch. Trong đó:

Cơ cấu giá trị: (i) thiết bị 62,267 tỷ đồng; (ii) Chi phí xây dựng là: 4,948 tỷ đồng; (iii) Chi phí tư vấn và khác 1,368 tỷ đồng.

### **3. Về các mặt quản lý:**

HDQT thống nhất với đánh giá của Giám đốc về các mặt quản lý, các mặt còn tồn tại và bài học kinh nghiệm tại báo cáo tổng kết tình hình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021 tại Hội nghị người lao động năm 2021.

Năm 2020 người lao động Công ty đã có nhiều nỗ lực để hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch đề ra, Công ty đã đạt được sản lượng điện SX 101,5%; Bảo đảm được việc làm ổn định, thu nhập khá cho người lao động. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước và địa phương.

Nhìn chung, trong năm vừa qua mặc dù gặp phải rất nhiều khó khăn nhưng ban Giám đốc đã thực hiện khá tốt các chủ trương, nghị quyết của HDQT, đồng thời chủ động, linh hoạt trước những diễn biến thực tế của nhà máy và thị trường điện. Sự phối hợp giữa HDQT, BKS và Ban Giám đốc đã góp phần mang lại hiệu quả trong công tác quản lý, điều hành của Công ty.

Kết quả giám sát đối với các cán bộ quản lý: Các cán bộ quản lý của Công ty đã được Giám đốc phân công giao nhiệm vụ, đồng thời đã chấp hành tốt và chủ động trong thực hiện nhiệm vụ, chỉ đạo điều hành các Phòng, Phân xưởng thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đầu tư của Công ty, đã tham mưu đề xuất cho Giám đốc, HDQT nhiều vấn đề trong quản lý các mặt hoạt động của Công ty. Trong năm qua các cán bộ quản lý về cơ bản đều được đánh giá là hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

## **II. VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020**

Nhận thức rõ tình hình khó khăn của Công ty, năm qua Hội đồng quản trị đã tập trung chỉ đạo thực hiện quyết liệt các giải pháp, có trọng tâm, trọng điểm, chương trình cụ thể để đảm bảo duy trì, phát triển sản xuất kinh doanh, đầu tư của Công ty; tập trung nhiệm vụ quản lý vốn, tài sản, các giải pháp để thoát khỏi tình trạng khó khăn về tài chính.

Hội đồng quản trị đã đi sâu, đi sát, nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty, hàng tháng HDQT công ty họp đánh giá kết quả thực hiện trong tháng và đề ra kế hoạch, giải pháp, các công việc trọng tâm của các tháng kế tiếp nhờ vậy đã giải quyết nhanh chóng, kịp thời các đề xuất của Ban điều hành, có nhiều chỉ thị, chỉ đạo sát sao để thúc đẩy, chấn chỉnh các mặt quản lý, khắc phục những khó khăn xảy ra, nâng cao thời gian vận hành, công suất của nhà máy.

Trong hoạt động, Hội đồng quản trị đã tuân thủ pháp luật, Điều lệ tổ chức, hoạt động của Công ty, triển khai quyết liệt thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Năm 2020 Hội đồng quản trị đã họp 50 phiên (bao gồm họp

thảo luận trực tiếp, xin ý kiến bằng văn bản) ban hành 50 Nghị quyết, 54 Quyết định, và thông qua với các nội dung chủ yếu sau:

### 1. Về công tác nhân sự:

Ngày 17/3/2020 Công ty đã tổ chức bầu bổ sung ông Bùi Minh Tân Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Điện lực -TKV làm thành viên HĐQT và được bầu làm Chủ tịch HĐQT thay thế ông Nguyễn Trung Thực được bổ nhiệm làm Giám đốc Công ty; Miễn nhiệm thành viên HĐQT với ông Thân Thế Đảng do được Tổng Công ty điện lực -TKV điều động công tác khác.

Các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát Công ty hiện tại như sau:

#### a) Hội đồng quản trị:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Đơn vị
1	Ông Bùi Minh Tân	Chủ tịch HĐQT	Tổng công ty Điện lực -TKV
2	Ông Ngô Minh Thắng	Thành viên HĐQT	Tổng công ty Điện lực -TKV
3	Ông Nguyễn Trung Thực	Thành viên HĐQT	Công ty CP ND Cẩm Phả-TKV
4	Ông Trần Văn Hoan	Thành viên HĐQT	Công ty CP ND Cẩm Phả-TKV
5	Bà Lưu Thị Minh Thanh	Thành viên HĐQT	Công ty CP ND Cẩm Phả-TKV

#### b) Ban kiểm soát:

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Đơn vị
1	Bà Trần Thị Kim Chi	Trưởng Ban KS	Tổng công ty Điện lực - TKV
2	Bà Đặng Thị Bảo Thái	Thành viên BKS	Công ty CP ND Cẩm Phả-TKV
3	Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên BKS	Công ty CP ND Cẩm Phả-TKV

Trong năm Công ty đã tiếp tục thực hiện việc sắp xếp tổ chức cán bộ theo văn bản số 1644/ĐLTKV-TCLĐTL ngày 14/9/2017 của Tổng công ty Điện lực - TKV. Thực hiện tốt việc tinh giảm lao động theo chủ chương của Tổng công ty, đầu năm 2020 số lao động của Công ty là 485 người, cuối năm số lao động còn lại 451 người (không bao gồm Giám đốc Công ty); giảm 34 người. Sắp xếp, luân chuyển vị trí công việc cho một số Cán bộ, người lao động tại các Phòng, Phân xưởng theo hướng tinh gọn, hiệu quả cho công việc. Tiếp tục thực hiện chủ trương xã hội hóa xong bộ phận bộ phận vệ sinh Công nghiệp trong năm 2021.

### 2. Về ban hành, sửa đổi, bổ sung Quy chế, Quy định:

Năm 2020 Công ty đã sửa đổi bổ sung và ban hành 12 quy chế bao gồm các lĩnh vực về: Quản lý lao động, thi đua khen thưởng, văn hóa, quản lý đầu tư, cán bộ... (Số 05/QĐ-CPC v/v ban hành Quy chế quản lý lao động tiền lương; Số 06/QĐ-CPC v/v ban hành Quy chế quản lý quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi; Số 07/QĐ-CPC v/v ban hành Quy chế Văn hóa; Số 08/QĐ-CPC v/v ban hành Quy chế làm việc của Ban chỉ đạo CPC về phòng, chống tham nhũng; Số 09/QĐ-CPC

v/v ban hành quy chế chi tiêu nội bộ và sử dụng xe con; Số 35/QĐ-CPC v/v phê duyệt Quy chế quản lý đầu tư xây dựng; Số 38/QĐ-CPC v/v phê duyệt Quy chế quản lý cán bộ; Số 46/QĐ-CPC v/v phê duyệt Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở; Số 79/QĐ-CPC v/v phê duyệt Quy chế phòng người rui ro; Số 97/QĐ-CPC v/v sửa đổi, bổ sung quy chế sửa chữa TSCĐ cấp TĐT; Số 118/QĐ-CPC v/v sửa đổi, bổ sung quy chế nội bộ và sử dụng xe con của; Số 129/QĐ-CPC v/v hành quy chế trả lương gắn với an toàn lao động trong SX Điện).

Ban hành 50 Nghị quyết, 54 Quyết định phê duyệt dự toán, phê duyệt quyết toán, quyết định về nhân sự,...

Ngoài ra Chủ tịch HĐQT còn chỉ đạo nhiều nội dung qua thư điện tử, điện thoại và các hình thức chỉ đạo khác để đôn đốc, nhắc nhở, kiểm tra các mặt quản lý của Công ty như công tác sản xuất vận hành, công tác nhập than tiêu thụ tro xỉ, vấn đề tài chính, an toàn, môi trường...

### **3. Về thực hiện Quy chế hoạt động của HĐQT:**

Căn cứ quy chế hoạt động tại Quyết định số 101/QĐ-NĐCP ngày 29/5/2017, HĐQT đã phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT tại quyết định số 89/QĐ-CPC ngày 25/4/2019 theo đó từng thành viên HĐQT theo nhiệm vụ được phân công đều tích cực hoạt động, tìm hiểu sâu về các lĩnh vực được giao. Các thành viên HĐQT đã phát huy khả năng, năng lực của mình, thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty, không lạm dụng chức vụ, tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác. Các chủ trương, các quyết định của HĐQT được ban hành đều tuân thủ theo đúng pháp luật, các quy chế của Công ty. HĐQT làm việc theo chế độ tập thể, nguyên tắc tập trung dân chủ, tinh thần đoàn kết được đề cao. Các thành viên HĐQT tham gia đầy đủ các cuộc họp, thể hiện rõ quan điểm, chính kiến trong các cuộc họp HĐQT với tinh thần trách nhiệm cao. HĐQT đã tiếp thu và kịp thời và điều chỉnh khi có ý kiến tham gia của BKS.

Kết thúc năm 2020 HĐQT đã cùng Ban kiểm soát thực hiện kiểm điểm, đánh giá từng thành viên HĐQT. Theo đó tất cả thành viên HĐQT đều được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ.

## **IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2021**

Năm 2021 được dự báo là năm tiếp tục còn nhiều khó khăn, như đã nêu trong báo cáo do Giám đốc đã trình bày.

Trước tình hình nêu trên, căn cứ vào mục tiêu và kế hoạch SXKD, đầu tư 2021, nhằm đảm bảo lợi nhuận, thu nhập cho người lao động và quyền lợi cho cổ đông, HĐQT sẽ tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm, đề ra một số chỉ tiêu và giải pháp sau đây:

### **1. Về SXKD:**

- Sản lượng điện sản xuất: 3.750 triệu KWh.
- Doanh thu: 4.984 tỷ đồng.
- Lợi nhuận: 8,9 tỷ đồng.
- Tiền lương bình quân: 14,990 triệu/ng/th.

- Lao động bình quân: 394 người.

## **2. Về đầu tư:**

Giá trị kế hoạch ĐTXD 2021 là 41,752 tỷ đồng, với cơ cấu vốn:

- Xây lắp 6,087 tỷ đồng;
- Thiết bị 34,755 tỷ đồng;
- Chi phí tư vấn và khác 0,910 tỷ đồng;

## **3. Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện:**

- Chỉ đạo và tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát đảm bảo cho các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, các quy định của pháp luật và quy chế quản lý nội bộ được thực thi có hiệu quả trong Công ty;

- Tiếp tục rà soát và sửa đổi, bổ sung các quy chế quản lý theo đúng quy định của Nhà nước. Sửa đổi, bổ sung, ban hành các định mức kinh tế, kỹ thuật, định mức lao động sát với thực tế làm cơ sở cho việc quản lý chi phí;

- Tiếp tục tăng cường, đổi mới công tác quản lý, điều hành. Tìm giải pháp để nâng cao năng lực, hiệu quả, tính chuyên nghiệp, sự phối hợp chặt chẽ của bộ máy quản lý, điều hành;

- Tăng cường quản lý công tác Kỹ thuật (sửa chữa, vận hành, thị trường điện), coi đây là nhiệm vụ then chốt hàng đầu. Kiểm soát chặt chẽ hơn nữa các chỉ tiêu, định mức kỹ thuật, công nghệ. Trong đó đặc biệt là suất tiêu hao than, điện tự dùng. Sớm đưa nhà máy vận hành theo chế độ tự động ở mức cao nhất theo đúng thiết kế và hướng tới tự động hóa ở mức tiên tiến hơn. Nâng cao chất lượng sửa chữa, tìm giải pháp nâng cao hiệu suất lò hơi, công suất phát của các tổ máy;

- Nghiên cứu, rà soát kỹ khi phê duyệt các dự toán. Kiểm soát sâu hơn các hợp đồng thuê ngoài. Tăng cường khả năng tự sửa chữa, phục hồi thiết bị, hạn chế thuê ngoài;

- Thực hiện nghiêm túc Quy chế mua sắm, quản lý vật tư, kiểm soát chi tiêu tồn kho vật tư, nhất là tồn kho than một cách hợp lý, có lợi cho Công ty;

- Thực hiện quản lý đầu tư chặt chẽ từ khâu lập kế hoạch, dự án. Tuân thủ đúng các quy định, quy chế trong đầu tư. Kiểm soát tốt hơn việc lựa chọn nhà thầu, tích cực thực hiện đấu thầu qua mạng. Khắc phục các hạn chế, tồn tại trong việc lựa chọn nhà thầu để mang lại lợi ích cao hơn cho Công ty;

- Kiểm soát chặt chẽ nguồn vốn để sử dụng có hiệu quả. Quản lý chặt chẽ công nợ, đặc biệt là nợ phải thu. Tích cực bám các cơ quan, đơn vị để được thanh toán đủ, kịp thời tiền bán điện, hạn chế tối đa để nợ quá hạn khoản tiền này;

- Kiểm soát tốt hơn về AT-VSLĐ, PCCC và môi trường. Không để xảy ra tai nạn lao động, sự cố cháy nổ, không để bị xử phạt do vi phạm về môi trường;

- Quan tâm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công nhân viên, nhất là đội ngũ kỹ thuật của nhà máy;

- Quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, sức khỏe cho người lao động; xây dựng, củng cố nề nếp, nề nếp làm việc chuyên nghiệp, tinh thần đoàn

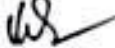


kết, gắn bó. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp có nét riêng, văn minh, văn hóa của Công ty.

#### 4. Về hoạt động của HĐQT:

HĐQT hoạt động tuân thủ đúng Điều lệ, các Quy chế, Quy định của Công ty, trong đó có Quy chế hoạt động của HĐQT. Sâu sát hơn với mọi hoạt động của Công ty để kịp thời có những chỉ đạo, định hướng đúng. Giải quyết kịp thời các đề xuất của bộ máy điều hành. Phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành và BKS để quản trị Công ty được tốt hơn.

Đề nghị Đại hội Cổ đông cho ý kiến chỉ đạo để HĐQT hoạt động có hiệu quả và tốt hơn.

Trân trọng báo cáo! 

**Nơi nhận:**

- Cổ đông Công ty;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, TK.



**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT**  
**TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**  
( Kèm theo Tờ trình số 31 /TTr- CPC ngày 26/04/2021)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần nhiệt điện Cẩm Phả- TKV (Công ty) được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 26/04/2018 ( sửa đổi, bổ sung lần thứ 8);

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả- TKV;

Ban Kiểm soát Công ty xin trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông hoạt động của Ban Kiểm soát và kết quả giám sát tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2020 như sau:

**I. THÔNG TIN CHUNG VÀ CƠ CẤU VỐN GÓP CỦA CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Cẩm Phả - TKV là doanh nghiệp đại chúng, đã đăng ký giao dịch trên Thị trường Giao dịch chứng khoán chưa niêm yết (Upcom). Cơ cấu cổ đông như sau:

STT	Tên cổ đông	Giá trị vốn góp	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Tổng công ty Điện lực TKV – CTCP	1.922.091.069.334	97,58
2	Tổng công ty Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	9.153.153.548	0,46
3	Các cổ đông khác	38.562.000.000	1,96
	Tổng cộng	<b>1.969.806.222.882</b>	<b>100</b>

**II. THÙ LAO, CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT (BKS)**

**1. Về thù lao của Ban kiểm soát năm 2020**

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV (Sửa đổi bổ sung lần VIII) tháng 04 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV số 32/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 04 năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1369/QĐ-ĐLTKV ngày 18/08/2020 của Tổng Công ty Điện lực TKV về việc Ban hành hướng dẫn cơ chế trả lương áp dụng trong Tổng công ty;

Trong năm 2020 Công ty đã thực hiện chi trả thù lao cho thành viên BKS như sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao BKS	Tiền lương	Tổng thu nhập
1	Trần Thị Kim Chi	Trưởng BKS	52.560.000		52.560.000
2	Đặng Thị Bảo Thái	Thành viên	48.000.000	178.285.906	226.285.906
3	Nguyễn Văn Đức	Thành viên	48.000.000	165.618.581	213.618.581
	<b>Tổng cộng</b>		<b>148.560.000</b>	<b>52.820.000</b>	<b>492.464.487</b>

## **2. Chi phí hoạt động và các lợi ích khác của BKS trong năm 2020**

- Chi phí đi lại, ăn ở: Công ty bố trí phòng nghỉ tại khu nhà điều hành & chi tiền ăn theo quy chế của Công ty trong thời gian BKS làm việc tại Công ty.

- Chi phí khác: Công ty chi tiền mua văn phòng phẩm cho Ban kiểm soát với số tiền: 3.086.250 đ (Ba triệu không trăm tám mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng), theo QĐ 198/QĐ-CPC ngày 22 tháng 01 năm 2020 của Công ty về việc giao khoán chi phí văn phòng phẩm năm 2020.

## **III. TỔNG KẾT CÁC CUỘC HỌP CỦA BKS**

Trong năm 2020, Ban Kiểm soát đã thực hiện 02 đợt kiểm soát các hoạt động của Công ty vào tháng 02/2020 và tháng 09/2020 với các nội dung:

- Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, việc thực hiện Nghị quyết của HĐQT, việc tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật.

- Thẩm tra soát xét các Báo cáo tài chính năm 2019 và BCTC bán niên/ năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động SXKD hàng quý và cả năm. Qua đó, phân tích dự cân đối báo dòng tiền của Công ty.

- Rà soát các Quy chế quản trị nội bộ của Công ty đã ban hành, kiến nghị chỉnh sửa các nội dung không phù hợp.

- Kiểm tra tình hình thực hiện công tác mua sắm vật tư, sửa chữa TĐT, thuê ngoài.

- Kiểm tra việc thực hiện tái cơ cấu...

Kết thúc các đợt làm việc, Ban KS đều có Biên bản làm việc và có các kiến nghị nhằm hoàn thiện hoạt động quản trị của Công ty gửi HĐQT và Ban điều hành.

Tuy nhiên, hoạt động của BKS còn có tồn tại hạn chế do các thành viên đều làm việc kiêm nhiệm.

## **IV. KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG & TÀI CHÍNH**

### **1. Kết quả hoạt động năm 2020**

#### **1.1. Kết quả SXKD:**

Năm 2020, tình hình SXKD của Công ty gặp nhiều khó khăn do nhu cầu thị trường điện giảm bởi ảnh hưởng dịch Covid-19, giá bán điện thấp, tình hình tài chính của Công ty gặp khó khăn làm phát sinh chi phí tài chính. Bên cạnh việc duy trì sản xuất, Công ty còn phải nâng cấp, cải tạo một loạt các thiết bị đã xuống cấp...dẫn đến các chỉ tiêu KH SXKD năm 2020 không đạt được.

Kết quả như sau:

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	TH/KH (%)
<b>I</b>	<b>Chỉ tiêu sản lượng</b>				
1	Điện sản xuất	MWh	3 600 000	3 653 872	101,5%
2	Điện thương phẩm	MWh	3 189 960	3 234 366	101,4%
3	Điện tự dùng	MWh	410 040	419 506	102,3%
4	Giá bán điện	đ/kwh	1.346,03	1.306,42	97,06%
<b>II</b>	<b>Doanh thu</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>4 845 702</b>	<b>4 779 016</b>	<b>98,6%</b>
1	Doanh thu điện thương phẩm	"	4 293 777	4 225 444	98,4%
2	Doanh thu điện tự dùng	"	551 925	548 080	99,3%
3	Doanh thu khác	"		5 492	
<b>III</b>	<b>Chi phí</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>4 836 702</b>	<b>5 362 978</b>	<b>110,9%</b>
<b>IV</b>	<b>Lợi nhuận</b>		<b>9 000</b>	<b>- 583 962</b>	
<b>V</b>	<b>Lao động và thu nhập</b>				
	Lao động định mức, trong đó	người	435	468	107,6%
	Tiền lương bình quân	Trđ/ng/th	15,00	14,22	94,8%

Mặc dù kết quả SXKD của Công ty chưa đạt kế hoạch nhưng năm 2020 là năm Công ty có nhiều cố gắng trong bối cảnh nền kinh tế ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh Covid- 19, Công ty hoàn thành sản lượng điện vượt mức kế hoạch sau nhiều năm vận hành và suất tiêu hao than thấp nhất trong giai đoạn 2017- 2020, đó chính là sự nỗ lực, cố gắng của HĐQT, Ban điều hành và toàn thể người lao động của Công ty.

### 1.2. Tình hình thực hiện kế hoạch DTXD:

Năm 2020 đã thực hiện được 68,58 tỷ đồng bằng 115,78 % kế hoạch đầu tư xây dựng điều chỉnh. Giá trị đã giải ngân: 26,711 tỷ đồng.

STT	Tiêu chí	Kế hoạch điều chỉnh	Thực hiện năm 2020	Thực hiện/ Kế hoạch (%)	Ghi chú
1	Tổng giá trị đầu tư xây dựng:	59.235	68.583	115,78	
	+ Xây dựng:	1.097	4.948		
	+ Thiết bị:	56.751	62.267		
	+ CP tư vấn và khác:	1.386	1.368		
2	- Giá trị đã giải ngân		26.711		

## 2. Kết quả hoạt động tài chính

Đến thời điểm báo cáo, Công ty cổ phần nhiệt điện Cẩm Phả - TKV đã hoàn thành BCTC được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020. Ban KS đã thực hiện thẩm định BCTC và thống nhất với kết quả như sau:

## 2.1. Bảng cân đối kế toán

Khoản mục	31/12/2020	01/01/2020
<b>TÀI SẢN</b>		
<b>I. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>1.033.008.406.556</b>	<b>959.996.997.652</b>
<i>Trong đó:</i>		
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	21.748.881.750	55.704.426.314
2. Các khoản phải thu ngắn hạn	843.944.643.164	793.992.887.112
3. Hàng tồn kho	156.032.240.431	85.312.294.545
4. Tài sản ngắn hạn khác	11.282.641.211	24.987.389.681
<b>II. Tài sản dài hạn</b>	<b>4.742.968.357.515</b>	<b>5.696.281.085.406</b>
<i>Trong đó:</i>		
1. Tài sản cố định	4.448.861.400.175	4.933.684.462.236
2. Tài sản dở dang dài hạn	56.999.619.344	51.496.430.602
3. Tài sản dài hạn khác	237.107.337.996	711.100.192.568
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>5.775.976.764.071</b>	<b>6.656.278.083.058</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>		
<b>III. Nợ phải trả</b>	<b>5.463.056.086.721</b>	<b>5.759.394.991.324</b>
<i>Trong đó:</i>		
1. Nợ ngắn hạn	3.816.591.942.627	3.823.961.886.579
2. Nợ dài hạn	1.646.464.144.094	1.935.433.104.745
<b>IV. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>312.920.677.350</b>	<b>896.883.091.734</b>
1. Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	1.969.806.222.832	1.969.806.222.832
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(1.656.885.545.532)	(1.072.923.131.148)
- Kỳ trước	(1.072.923.131.148)	(1.075.394.351.585)
- Kỳ này	(583.962.414.384)	2.471.220.437
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>5.775.976.764.071</b>	<b>6.656.278.083.058</b>

## 2.2. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	2020	2019
1. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	4.230.032.222.880	4.003.428.459.935
2. Giá vốn dịch vụ cung cấp	3.988.718.156.706	3.661.258.081.638
3. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ	241.314.066.174	342.170.378.297
4. Doanh thu hoạt động tài chính	481.165.365	1.582.541.366
5. Chi phí tài chính	774.691.471.021	318.233.912.941
Trong đó: Lãi vay	276.528.423.525	306.558.514.987
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	49.546.317.045	40.321.734.911
7. (Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(582.442.556.527)	(14.802.728.189)
8. Lợi nhuận khác	(1.519.857.857)	17.273.948.626
9. Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	(583.962.414.384)	2.471.220.437
10. Chi phí thuế thu nhập hiện hành		0
11. (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(583.962.414.384)	2.471.220.437
12. (Lỗ)/Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(2.964,6)	12,5

### 2.3. Một số chỉ tiêu về tài chính

Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2020	31/12/2019
<b>1. Các chỉ tiêu về tình hình và khả năng thanh toán</b>			
1.1 Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	0,271	0,251
1.2 Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,23	0,229
1.3 Khả năng thanh toán tức thời	Lần	0,006	0,015
<b>2. Các chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn và tài sản</b>			
2.1 Nợ phải trả trên tổng tài sản	Lần	0,946	0,865
2.2 Nguồn vốn chủ sở hữu trên tổng nguồn vốn	Lần	0,054	0,135
2.3 Nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu	Lần	17,46	6,422
2.4 Tài sản lưu động trên tổng tài sản	Lần	0,179	0,144
2.5 Tài sản cố định trên tổng tài sản	Lần	0,77	0,741

### 2.4 . Đánh giá của Ban Kiểm soát về BCTC năm 2020

- Về cơ bản, Ban KS thống nhất với số liệu trong BCTC năm 2020 do Công ty PKF kiểm toán.

- Trên cơ sở số liệu trong BCTC năm 2020 và các chỉ tiêu tài chính năm 2020 của Công ty cho thấy:

+ Công ty không bảo toàn được vốn (mất hơn 80% vốn điều lệ)

+ Tình hình tài chính của Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong việc duy trì hoạt động.

+ Công ty đã thực hiện tốt các quy định của pháp luật và thực hiện các nghĩa vụ với ngân sách nhà nước. Việc nộp báo cáo giám sát tài chính, báo cáo tài chính và các báo cáo khác theo đúng quy định, đảm bảo kịp thời, đúng hạn. Việc công bố thông tin các báo cáo theo quy định đúng thời gian, không bị các cơ quan quản lý nhắc nhở về nộp báo cáo và việc công bố thông tin chậm hoặc không đầy đủ nội dung. Không bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.

- Các rủi ro tiềm ẩn ảnh hưởng tới lãi, lỗ cho kỳ tới:

+ Năm 2021 tiếp tục phải cân đối phân bổ Khoản chênh lệch tỷ giá còn lại do đánh giá lại cuối năm 2016, được phân bổ trong 5 năm từ năm 2017 đến 2021 với giá trị đang treo lại là 116 tỷ đồng.

+ Chi phí lãi vay do thiếu nguồn bù đắp với lãi suất khoản vay mới cao hơn khoản trả nợ đến hạn cũng ảnh hưởng không nhỏ đến tài chính của đơn vị.

+ Năm 2021 Công ty cần nguồn tiền để tiếp tục thực hiện công tác đầu tư, trung đại tu, khắc phục khiếm khuyết theo phương án tháo gỡ khó khăn với khối lượng công việc rất lớn, trong khi việc vay vốn tại các tổ chức tín dụng hiện tại đang bị thắt chặt do số liệu tài chính hiện tại rất xấu, cũng ảnh hưởng đến khả năng thanh toán cho khách hàng.

## **V. BẢO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI CÁC THÀNH VIÊN HĐQT, GD, ĐIỀU HÀNH & NHỮNG NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN.**

Trong năm 2020, không có các giao dịch giữa Công ty đối với các thành viên HĐQT, GD & những người có liên quan.

## **VI. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI HĐQT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH**

### **1. Hoạt động của HĐQT Công ty**

Trong năm 2020, HĐQT Công ty đã tổ chức 48 phiên họp thảo luận trực tiếp và 02 phiếu biểu quyết các thành viên HĐQT bằng văn bản, ban hành 50 Nghị quyết để giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động Công ty

Các phiên họp HĐQT được tổ chức đúng quy định, Các Nghị quyết, quyết định được ban hành theo hình thức biểu quyết tại phiên họp và lấy ý kiến bằng văn bản phù hợp với Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

HĐQT Công ty đã rất tích cực bám sát và chỉ đạo bộ máy Công ty. Các cuộc họp HĐQT được tổ chức thường xuyên. Tuy nhiên hiệu lực chỉ đạo và quản trị của HĐQT vẫn còn hạn chế dẫn tới kết quả SXKD và ĐTXD năm 2020 của Công ty chưa đạt kế hoạch đề ra.

Thực hiện đề án tái cơ cấu: Trong năm HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành hoàn thành việc xã hội hóa lực lượng bảo vệ và lực lượng ăn công nghiệp và đang phối hợp với TCT trong việc chào mua công khai cổ phiếu CPC với mục đích chuyển đổi công ty cổ phần nhiệt điện Cẩm Phả thành đơn vị trực thuộc Tổng công ty.

HĐQT Công ty đã chấp hành Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

### **2. Hoạt động của Ban điều hành**

Trong năm 2020, Ban điều hành đã có nhiều cố gắng trong việc điều hành chỉ đạo Công ty, thể hiện qua việc phân công nhiệm vụ trong Ban điều hành, sắp xếp luân chuyển nhiều vị trí chủ chốt, tăng cường chỉ đạo sát sao trong việc vận hành các tổ máy, sử dụng than, bám sát EVN trong việc thanh toán tiền điện đã góp phần không nhỏ trong việc cải thiện tình hình tài chính của Công ty.

Với sự nỗ lực, cố gắng của HĐQT, Ban điều hành và toàn thể người lao động của Công ty, sản lượng điện phát là 3.653.872 MWh bằng 101,5% so với kế hoạch năm 2020.

Việc hoàn thành kế hoạch sản lượng nhưng không hoàn thành kế hoạch doanh thu năm 2020 có nhiều yếu tố khách quan: Một trong những nguyên nhân đó là giá thị trường thấp hơn năm 2019 và thấp hơn so với kế hoạch đề ra là 39,61 đ/kWh dẫn đến doanh thu điện thương phẩm giảm so đơn giá kế hoạch là 128,1 tỷ đồng, bên cạnh đó việc khắc phục các khiếm khuyết phát sinh ngoài tiên lượng và thực hiện theo phương án tháo gỡ khó khăn cũng ảnh hưởng rất lớn đến tiến độ sửa chữa/công việc sửa chữa và việc vận hành nhà máy.

## **VII. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP GIỮA HĐQT, BKS & CÁC CỔ ĐÔNG**

Sự phối hợp giữa HĐQT, BKS & các cổ đông trong năm 2020 phù hợp với các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty. Cụ thể:

- Công ty công bố kịp thời các thông tin theo quy định của ND 155/2015/NĐ-CP trên trang web, UBCK, Sở giao dịch, các cổ đông.
- Các phiên họp của HĐQT đều được thông báo đến BKS.
- Các NQ HĐQT đều được gửi một cách kịp thời tới các thành viên Ban KS.

### VIII. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021

Năm 2021, BKS tiếp tục triển khai các công tác kiểm soát định kỳ theo Kế hoạch đề ra và theo yêu cầu của các Cổ đông, theo hướng tiếp tục tập trung vào việc hoàn thiện thể chế hóa các hoạt động của Công ty và việc chấp hành các thể chế, qua đó nâng cao hiệu quả của công tác quản trị doanh nghiệp và hiệu quả SXKD.

Ban KS sẽ giám sát việc chấp hành và thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021, phối hợp và giám sát có hiệu quả hoạt động quản lý và điều hành của HĐQT và Ban điều hành, tập trung vào việc kiểm tra, đánh giá các hoạt động tài chính, tình hình huy động và sử dụng vốn, việc quản lý chi phí hoạt động và cân đối dòng tiền của Công ty.

Trân trọng!

**Nơi nhận:**

- Cổ đông Công ty;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, TK.





**TỜ TRÌNH**

**V/v lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán BCTC năm 2021**  
*(Kèm theo Tờ trình số 31 /TTr-CPC ngày 26/4/2021 của CPC)*

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần nhiệt điện Cẩm Phả- TKV (Công ty) được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 26/04/2018 ( sửa đổi, bổ sung lần thứ 8).

Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần nhiệt điện Cẩm Phả -TKV ban hành kèm theo Quyết định số 05/QĐ-CPC ngày 02/5/2018;

Căn cứ Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29/03/2011; Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13/03/2012 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kiểm toán độc lập;

Thực hiện các nghĩa vụ được quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật có liên quan, Ban Kiểm soát Công ty kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 phương án lựa chọn công ty kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC năm 2021 của Công ty theo quy định của pháp luật như sau:

**1. Tiêu chí lựa chọn công ty kiểm toán**

- Là Công ty kiểm toán độc lập được Bộ Tài chính, Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2021;

- Là đơn vị được Tổng công ty lựa chọn làm đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021.

2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 dựa trên kết quả lựa chọn nhà thầu Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Tổng công ty Điện lực- TKV.

Trân trọng!

Nơi nhận :

- Như trên;
- HDQT, BKS;
- Lưu: VT, TK.

**TM.BAN KIỂM SOÁT**  
**TRƯỞNG BAN**  
  
  
**Trần Thị Kim Chi**

## BÁO CÁO

Về việc phân chia cổ tức và phân phối lợi nhuận năm 2020 và năm 2021  
(Kèm theo Tờ trình số 31 /TTr-CPC ngày 26/4/2021 của CPC)

Công ty cổ phần nhiệt điện Cẩm Phả - TKV báo cáo việc phân chia cổ tức và phân phối lợi nhuận năm 2020 và năm 2021 cụ thể như sau:

### 1. Đối với năm 2020.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 như sau:

<b>Tổng doanh thu</b>	<b>4.230.935.703.072đ</b>
- Doanh thu sản xuất Điện + khác:	4.230.032.222.880đ
- Doanh thu hoạt động tài chính:	481.165.365đ
- Thu nhập khác:	422.314.827 đ
<b>Tổng Chi phí</b>	<b>4.814.898.117.456đ</b>
- Chi phí sản xuất Điện + khác:	4.038.264.473.751đ
- Chi phí tài chính:	774.691.471.021 đ
- Chi phí khác:	1.942.172.684 đ
<b>Lãi (+), lỗ (-)</b>	<b>-583.962.414.384 đ</b>

Do Công ty đang có số lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là (1.656.885) tr.đ. Căn cứ các quy định hiện hành của nhà nước và Điều 5 nghị quyết số 32/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/4/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty không thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2020.

### 2. Đối với năm 2021.

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty cổ phần nhiệt điện Cẩm Phả - TKV xây dựng đã được Tổng công ty Điện lực - TKV thông báo thì kết quả SXKD sẽ lãi: 8,9 tỷ đồng.

Như vậy hết năm 2020 Công ty vẫn lỗ nên chưa thể chia cổ tức và phân phối lợi nhuận năm 2020.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định! *W*

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, TK.



**BÁO CÁO**

**Về tiền lương, thù lao của HDQT, BKS và Người quản lý năm 2020**  
**Thông qua tiền lương, thù lao của HDQT, BKS và Người quản lý năm 2021**  
*(Kèm theo Tờ trình số 37/TTr-CPC ngày 26/4/2021 của CPC)*

**1. Về thù lao của HDQT và BKS năm 2020:**

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty số: 32/NQ-DHĐCĐ ngày 27 tháng 04 năm 2020, mức thù lao cho các thành viên HDQT và Ban kiểm soát năm 2020 như sau:

Căn cứ Quyết định số 837/QĐ-DLTKV của Tổng Công ty Điện lực TKV về việc Ban hành quy định mức tiền lương (tháng, ngày, giờ), cơ chế trả lương theo vị trí việc làm áp dụng trong Tổng công ty Điện lực TKV-CTCP;

- Chủ tịch HDQT : 24.700.000 đ x 20% x 12 tháng x 1 ng = 59.280.000 đ;
- Thành viên HDQT : 21.900.000 đ x 20% x 12 tháng x 4 ng = 210.240.000 đ;
- Trưởng BKS kiêm nhiệm: 21.900.000đ x 20% x 12 tháng x 1ng = 52.560.000 đ;
- Thành viên BKS: 20.000.000 đ x 20% x 12 tháng x 2 ng = 96.000.000 đ.

**Năm 2020 Công ty đã thực hiện chi trả :**

- Trả cho thành viên HDQT và người quản lý của Công ty: **2.307.070.000 đ.** Cụ thể:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao HDQT	Tiền lương (đồng)	Tổng thu nhập (đồng)
1	Bùi Minh Tân	Chủ tịch HDQT (Từ 17/3/2020)	46.930.000		46.930.000
2	Nguyễn Trung Thực	Chủ tịch HDQT (Từ 01/01 đến 17/3/2020)	12.350.000		12.350.000
3	Nguyễn Trung Thực	Thành viên HDQT (Từ 17/3/2020)	41.610.000		41.610.000
4	Thần Thế Đăng	Thành viên HDQT	10.950.000	92.950.000	103.900.000
5	Ngô Minh Thắng	Thành viên HDQT	52.560.000		52.560.000
6	Trần Văn Hoan	TV HDQT- PGĐ	52.560.000	395.760.000	448.320.000
7	Lưu Thị Minh Thanh	TV HDQT - KTT	52.560.000	361.560.000	414.120.000
8	Vũ Đức Quảng	Phó GD		395.760.000	395.760.000
9	Dương Hồng Hải	Phó GD		395.760.000	395.760.000
10	Vương Đình Đễ	Phó GD		395.760.000	395.760.000
<b>Tổng cộng</b>			<b>269.520.000</b>	<b>2.037.550.000</b>	<b>2.307.070.000</b>

- Lương và thù lao trả cho Ban kiểm soát năm 2020 là: **492.464.487đ**. Cụ thể:

Số tt	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao BKS (đồng)	Tiền lương (đồng)	Tổng thu nhập (đồng)
1	Trần Thị Kim Chi	Trưởng Ban Kiểm soát	52.560.000		52.560.000
2	Đặng Thị Bảo Thái	Thành viên BKS	48.000.000	178.285.906	226.285.906
3	Nguyễn Văn Đức	Thành viên BKS	40.000.000	165.618.581	213.618.581
<b>Tổng cộng</b>			<b>148.560.000</b>	<b>343.904.487</b>	<b>492.464.487</b>

\* Tổng số tiền thù lao, tiền lương đã trả cho HĐQT, Người quản lý, BKS năm 2020 là: **2.528.944.487 đồng**.

Việc chi trả thực hiện theo đúng quy định của CPC và ĐLTKV.

## 2. Đề xuất mức chi trả tiền lương và thù lao năm 2021:

Căn cứ vào Luật doanh nghiệp số 59/2020-QH14; Nghị định 52/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ về việc "Quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc Phó giám đốc, Kế toán trưởng trong Công ty TNHH ITV do Nhà nước làm chủ sở hữu"

Căn cứ Quyết định số 1369/QĐ-ĐLTKV ngày 18/08/2020 của Tổng Công ty Điện lực -TKV về việc Ban hành mức tiền lương, hệ số giãn cách tiền lương một số vị trí công việc và cơ chế trả lương theo vị trí việc làm áp dụng trong Tổng công ty Điện lực-TKV. Mức thù lao được áp dụng mức tối đa là 20% mức lương thực hiện của người quản lý chuyên trách tương ứng; Công văn số 2127/ĐLTKV-KH ngày 21/12/2020 của Tổng Công ty Điện lực - TKV về việc thông qua các chỉ tiêu chủ yếu SXKD năm 2021,

Hội đồng quản trị trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 về phương án trả lương, thù lao cho các thành viên HĐQT, tiền lương, thù lao cho các thành viên BKS, tiền lương người quản lý Công ty như sau:

### 2.1 Thù lao HĐQT, BKS Công ty:

Chức danh	Cách tính	Thù lao (đ)	Ghi chú
Chủ tịch HĐQT	25.700.000đ x 20% x 12 tháng x 1ng	61.680.000	
Thành viên HĐQT	21.900.000đ x 20% x 12 tháng x 4ng	210.240.000	
Trưởng BKS kiêm nhiệm	22.900.000đ x 20% x 12 tháng x 1ng	54.960.000	
Thành viên BKS	21.900.000đ x 20% x 12 tháng x 2ng	105.120.000	
<b>Tổng cộng</b>		<b>432.000.000</b>	

## 2.2. Tiền lương Người quản lý Công ty:

Chức danh	Cách tính	Lương (đ)	Ghi chú
Giám đốc	$24.700.000đ \times 12 \text{ tháng} \times 1ng \times 150\%$	444.600.000	Theo kế hoạch Tổng công ty giao
Phó Giám đốc	$21.900.000đ \times 12 \text{ tháng} \times 4ng \times 150\%$	1.576.800.000	Theo kế hoạch Tổng công ty giao
Kế toán trưởng	$20.000.000đ \times 12 \text{ tháng} \times 1ng \times 150\%$	360.000.000	Theo kế hoạch Tổng công ty giao
<b>Tổng cộng</b>		<b>2.381.400.000</b>	

\* Tổng số tiền thù lao, tiền lương theo kế hoạch năm 2021 trả cho HĐQT, Người quản lý, BKS là: **2.813.400.000 đồng**.

Hàng tháng được tạm chi trả 80% mức thù lao theo kế hoạch. Còn lại 20% được quyết toán chi trả theo quyết toán tiền lương của viên chức quản lý năm theo mức độ hoàn thành kế hoạch.

Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát được hạch toán vào giá thành hoặc chi phí kinh doanh của Công ty, không hạch toán vào quỹ tiền lương.

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét thông qua để làm cơ sở thực hiện. *W*

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, TK

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**  
  
*Bui Minh Tân*  
**Bui Minh Tân**

## BÁO CÁO

Về việc thông qua báo cáo tài chính năm 2020  
(Kèm theo Tờ trình số 31/TTr-CPC ngày 26/4/2021 của CPC)

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần nhiệt điện Cẩm Phả-TKV (CPC) được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 26/4/2018 (sửa đổi, bổ sung lần thứ 8);

Căn cứ báo cáo kiểm toán số 61/2021/BCKT - PKF.VPC ngày 26/3/2021 của Công ty trách nhiệm hữu hạn PKF Việt Nam về báo cáo tài chính từ 01/01/2020 đến 31/12/2020 của Công ty cổ phần nhiệt điện Cẩm Phả -TKV;

Căn cứ vào biên bản kiểm tra quyết toán năm 2020 của Ban kiểm soát Công ty cổ phần nhiệt điện Cẩm Phả -TKV ngày 26/3/2021;

Giám đốc xin báo cáo HĐQT và Đại hội cổ đông Báo cáo tài chính năm 2020 như sau:

### I. Thực hiện kế hoạch huy động vốn của các cổ đông năm 2020.

Số TT	Đơn vị	Số dư vốn góp 01/01/2020	Vốn góp năm 2020 Tăng (+); giảm (-)	Số dư vốn góp 31/12/2020
1	Tổng công ty Điện lực - TKV	1.757.179.069.334	164.912.000.000	1.922.091.069.334
2	Tổng Cy XDCN Việt Nam	9.153.153.548		9.153.153.548
3	Công ty CP Than Tây Nam Đá Mài	21.799.000.000	-	0
4	Công ty CP Than Cao Sơn	21.799.000.000	-	0
5	Công ty CP Than Đèo Nai	21.799.000.000	-	0
6	C.ty CP Than Mông Dương	21.799.000.000	-	0
7	Công ty CP Than Cọc 6	43.598.000.000	- 43.598.000.000	0
8	CTCP TM và Ứng dụng Công nghệ Hà Nội	200.000.000	-200.000.000	0
9	Cổ đông thể nhân	72.480.000.000	-33.918.000.000	38.562.000.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.969.806.222.882</b>		<b>1.969.806.222.882</b>

### II. Báo cáo quyết toán tại thời điểm 31/12/2020

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>	<b>1.033.008.406.556</b>	<b>959.996.997.652</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>21.748.881.750</b>	<b>55.704.426.314</b>
1. Tiền	111	21.748.881.750	55.704.426.314
2. Các khoản tương đương tiền	112	0	
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	0	0
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122	0	0
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	0	0
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>843.944.643.164</b>	<b>793.992.887.112</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	826.512.360.601	776.428.796.396
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	90.000.000	72.660.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	0	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	0	0
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	17.826.003.707	17.639.364.675
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	(483.721.144)	(552.966.776)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	0	405.032.817
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>156.032.240.431</b>	<b>85.312.294.545</b>
1. Hàng tồn kho	141	156.032.240.431	85.312.294.545
2. Dự phòng giảm giá tồn kho (*)	149	0	
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>11.282.641.211</b>	<b>24.987.389.681</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	6.366.249.435	24.880.289.057
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.897.636.767	0
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	153	18.755.009	107.100.624
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		0
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		0
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>	<b>4.742.968.357.515</b>	<b>5.696.281.085.406</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	0	0
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	0	0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213	0	0
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214	0	0
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	0	0
6. Phải thu dài hạn khác	216	0	0
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219	0	0
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>4.448.861.400.175</b>	<b>4.933.684.462.236</b>
<b>1. Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>221</b>	<b>4.448.815.948.853</b>	<b>4.933.463.555.988</b>
- Nguyên giá	222	10.190.825.112.518	10.149.089.378.043
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(5.742.009.163.665)	(5.215.625.822.055)
<b>2. Tài sản cố định thuê tài chính</b>	<b>224</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

- Nguyên giá	225	0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226	0	0
<b>3. Tài sản cố định vô hình</b>	<b>227</b>	<b>45.451.322</b>	<b>220.906.248</b>
- Nguyên giá	228	736.107.762	736.107.762
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229	(690.656.440)	(515.201.514)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
- Nguyên giá	231	0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232	0	0
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>56.999.619.344</b>	<b>51.496.430.602</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	0	0
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	56.999.619.344	51.496.430.602
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	0	0
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	0	0
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	0	0
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	0	0
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	0	0
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>237.107.337.996</b>	<b>711.100.192.568</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	200.477.565.080	673.761.370.425
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	0	
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	36.629.772.916	37.338.822.143
4. Tài sản dài hạn khác	268		
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>	<b>5.775.976.764.071</b>	<b>6.656.278.083.058</b>
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>5.463.056.086.721</b>	<b>5.759.394.991.324</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>3.816.591.942.627</b>	<b>3.823.961.886.579</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	2.177.626.909.450	1.483.247.012.579
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	10.478.000	38.701.500
3. Thuế và các khoản phải nộp NN	313	0	7.909.900.264
4. Phải trả người lao động	314	26.355.686.591	10.477.016.219
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	72.895.257.268	474.266.567.137
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	0	0
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317	0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	0	0
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	2.510.950.005	5.491.510.052
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	1.536.197.349.712	1.842.015.667.227
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	0	0
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	995.311.601	515.511.601
13. Quỹ bình ổn giá	323	0	0
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324	0	0
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>1.646.464.144.094</b>	<b>1.935.433.104.745</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	0	0
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	0	0
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	0	0



4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334	0	0
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335	0	0
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	0	0
7. Phải trả dài hạn khác	337	0	0
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	1.646.464.144.094	1.935.433.104.745
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	0	0
10. Cổ phiếu ưu đãi	340	0	0
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	0	0
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	0	0
13. Quỹ phát triển KH&CN	343	0	0
<b>D.VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>312.920.677.350</b>	<b>896.883.091.734</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>312.920.677.350</b>	<b>896.883.091.734</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	1.969.806.222.882	1.969.806.222.882
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411A	1.969.806.222.882	1.969.806.222.882
- Cổ phiếu ưu đãi	411B	0	0
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	0	0
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	0	0
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	0	0
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415	0	0
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	0	0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	0	0
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	0	0
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	0	0
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	0	0
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(1.656.885.545.532)	(1.072.923.131.148)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421A	(1.072.923.131.148)	(1.075.394.351.585)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421B	(583.962.414.384)	2.471.220.437
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422	0	0
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1. Nguồn kinh phí	431	0	0
2. Nguồn KP đã hình thành TSCĐ	432	0	0
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 =300+400)</b>	<b>440</b>	<b>5.775.976.764.071</b>	<b>6.656.278.083.058</b>

### III. Kết quả sản xuất kinh doanh

<b>Tổng doanh thu</b>	<b>4.230.935.703.072đ</b>
- Doanh thu sản xuất Điện + khác:	4.230.032.222.880đ
- Doanh thu hoạt động tài chính:	481.165.365đ
- Thu nhập khác:	422.314.827 đ
<b>Tổng Chi phí</b>	<b>4.814.898.117.456đ</b>
- Chi phí sản xuất Điện + khác:	4.038.264.473.751đ
- Chi phí tài chính:	774.691.471.021 đ

- Chi phí khác:

1.942.172.684 đ

Lãi (+), lỗ (-)

-583.962.414.384 đ

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua /.

*Nơi nhận:*

- ĐH đồng cổ đông.
- HĐQT. BKS;
- Lưu: VT. TK.



**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Trung Thực**

## BÁO CÁO

Về việc thông qua kế hoạch huy động vốn năm 2021  
(Kèm theo Tờ trình số 37 /TTr-CPC ngày 26/4/2021 của CPC)

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần nhiệt điện Cẩm Phả - TKV được Đại hội đồng cổ đông sửa đổi lần thứ VIII thông qua ngày 26/4/2018;

Căn cứ Quy chế tài chính được ban hành kèm theo Quyết định số 163/QĐ-CPC ngày 16/8/2017 và Quyết định sửa đổi bổ sung số 214/QĐ-CPC ngày 12/10/2018 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần nhiệt điện Cẩm Phả - TKV;

Căn cứ thông báo số 98/ĐLTKV-ĐT ngày 13/01/2021 về việc thông báo kế hoạch ĐTXD năm 2021 của Tổng Công ty, công tác chuẩn bị đầu tư dự án đến thời điểm hiện tại;

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty; Báo cáo số 524/BC-CPC ngày 16/3/2021 về việc định mức tín dụng ngắn hạn năm 2021,

Công ty báo cáo kế hoạch huy động vốn năm 2021 như sau:

- Nhu cầu huy động vốn lưu động bình quân cho sản xuất kinh doanh năm 2021 là: 1.530 tỷ đồng.

- Nhu cầu huy động vốn vay trung, dài hạn để đầu tư các dự án nhóm C được chuyển tiếp từ năm 2020 và đầu tư mới năm 2021 là: 100 tỷ đồng.

(Có bảng kê kèm theo).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- HDQT, BKS;
- Lưu: VT, TK.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH  
  
Bùi Minh Tân

**BẢNG NHU CẦU HUY ĐỘNG VỐN NĂM 2021**  
(Kèm theo Báo cáo thông qua kế hoạch huy động vốn năm 2021)

*DVT: tỷ đồng*

STT	Nội dung	Giá trị Đầu tư	Nhu cầu vốn	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Vốn lưu động bình quân:</b>		<b>1.530</b>	
<b>II</b>	<b>Vốn vay trung, dài hạn:</b>	<b>131,18</b>	<b>100</b>	<i>Nhu cầu vốn 80%</i>
1	Dự án nâng cấp hệ thống điều khiển tự động S2 NMND Cẩm Phả	1,20		
2	Đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất 2020 NMND Cẩm Phả	42,34	32,32	
3	Dự án đầu tư hệ thống máy tính và phần mềm phục vụ thị trường điện chu kỳ 30 phút	0,56		
4	Dự án chống dính Si lò than lò hơi số 1, 2, 3 và 4 NMND Cẩm Phả	25,35	20,28	
5	Dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2021 NMND Cẩm Phả	12,11	8,91	
6	Đầu tư thay thế các bộ làm mát xi đáy lò hơi NMND Cẩm Phả	37,19	29,75	
7	Cải tạo đường ống dẫn nước hệ thống nước làm mát tuần hoàn hơi (làm mát bình ngưng bằng nước biển)	7,43	4,74	
8	Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục và kết nối về Sở TNMT tỉnh - Công ty Cổ phần NĐCP	5,00	4,00	

*h*

### BÁO CÁO

V/v sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty  
(Kèm theo Tờ trình số 37 /TTr-CPC ngày 26/4/2021 của CPC)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ:

- Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ và các Quy chế mẫu kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC của Bộ tài chính;

Để phù hợp với quy định của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và Thông tư 116/2020/TT-BTC, HĐQT của CPC đã chỉ đạo các Ban chuyên môn nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; Quy chế quản trị nội bộ Công ty; Quy chế hoạt động của HĐQT; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty;

Các nội của Điều lệ và các Quy chế tuân thủ theo quy định của:

- Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và Thông tư 116/2020/TT-BTC.

(Tài liệu kèm theo gồm: Bảng so sánh điểm mới Thông tư 116/2020/TT-BTC với Thông tư 95/2017/TT-BTC quy định Điều lệ mẫu công ty cổ phần, điều khoản có liên quan trong dự thảo Điều lệ sửa đổi; Dự thảo các quy chế).

HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, TK.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH  
  
Bùi Minh Tân

**DIỄN MỚI THÔNG TƯ 116/2020/TT-BTC SO VỚI THÔNG TƯ 95/2017/TT-BTC**

THÔNG TƯ 116/2020/TT-BTC	THÔNG TƯ 95/2017/TT-BTC	Điều khoản liên quan trong Dự thảo Điều lệ sửa đổi của Công ty
<b>1. Bổ sung thuật ngữ “sở giao dịch chứng khoán”</b>		
Diễn r khoản 1 Điều 1 quy định: Sở giao dịch chứng khoán là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.	Trước đây không quy định	Điều 1. Giải thích thuật ngữ trong Điều lệ
<b>2. Bãi bỏ quy định công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua</b>		
Điều 5 đã bãi bỏ quy định này	Khoản 2 Điều 5 quy định: Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua	Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của công ty
<b>3. Thay đổi khái niệm cổ phiếu theo Luật Doanh nghiệp 2020</b>		
Khoản 2 Điều 7 quy định: Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành, cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp	Khoản 2 Điều 8 quy định: Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp Luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định tại Khoản 1, Điều 120 của Luật Doanh nghiệp.	Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu
<b>4. Quy định thêm một số quyền của cổ đông phổ thông</b>		
Khoản 1 Điều 12 quy định thêm một số quyền hạn cho cổ đông phổ thông như: “i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông; k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật; l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội	Trước đây không quy định	Điều 12. Quyền của cổ đông phổ thông

đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;”		
<b>5. Sửa đổi điều kiện thực hiện quyền của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên</b>		
Khoản 2 Điều 12 quy định cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty có các quyền sau...	Khoản 3 Điều 12 quy định cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau...	Khoản 2 Điều 12 quy định cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên
<b>6. Thay đổi một số quyền của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên</b>		
Khoản 2 Điều 12: - Bỏ quy định: Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này - Thêm quy định: Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định thời hạn khác. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp	Khoản 2 Điều 12 quy định: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ [5]% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau: a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này; b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp; c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	Khoản 2 Điều 12
<b>7. Thay đổi điều kiện để đề cử người vào HĐQT, BKS</b>		
Khoản 3 Điều 12 quy định cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty] có	Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	Khoản 3 Điều 12

quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát		
<b>8. Bãi bỏ một số trường hợp phải triệu tập cuộc họp DHĐCD bất thường</b>		
Bãi bỏ những quy định này	Khoản 3 Điều 14 quy định một số trường hợp phải triệu tập cuộc họp DHĐCD bất thường: - Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất (30) trở lên so với số đầu kỳ; - Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.	Khoản 3 Điều 14
<b>9. Quy định về điều kiện thay đổi các quyền của cổ đông</b>		
Khoản 1 Điều 17 quy định: - Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.	Khoản 1 Điều 17 quy định: Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua.	Khoản 1 Điều 17
<b>10. Thay đổi thời gian chậm nhất để gửi thông báo mời họp DHĐCD</b>		
Khoản 3 Điều 18 quy định thời gian chậm nhất để gửi thông báo mời họp DHĐCD là 20 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp.	Khoản 3 Điều 18 quy định thời gian chậm nhất để gửi thông báo mời họp DHĐCD là 15 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp.	Khoản 3 Điều 18
<b>11. Điều kiện thông qua Nghị quyết của DHĐCD</b>		
4. Nghị quyết về các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (trừ các nội dung quy định tại Khoản 3, Khoản 5, Khoản 7 Điều này) được thông qua khi có	4. Nghị quyết về các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi có từ <b>51%</b> tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực	Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông



<b>trên 50%</b> tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.	tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông trừ các nội dung quy định tại Khoản 3 Điều này:	được thông qua
<b>12. Biên bản họp ĐHDCD vẫn có hiệu lực nếu chủ tọa và thư ký không ký</b>		
Điểm i khoản 1 Điều 23 quy định: Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.	Điểm 1 Điều 23 quy định: Biên bản họp ĐHDCD phải có chữ ký của chủ tọa và thư ký.	Điểm i khoản 1 Điều 23
<b>13. Quyền ứng cử người vào HĐQT</b>		
Khoản 2 Điều 25 quy định: Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.	Khoản 5 Điều 25 quy định: Các cổ đông nắm giữ ít hơn 5% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.	Khoản 2 Điều 25. Giới thiệu, đề cử vào HĐQT
<b>14. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị đối với công ty niêm yết</b>		
Khoản 4 Điều 26 quy định: (Xét về yếu tố giới tính) Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp Công ty trở thành công ty niêm yết thì tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo tối thiểu 01 thành viên độc lập. Cơ cấu Hội đồng quản trị đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty và có xét yếu tố về giới tính.	Khoản 1 Điều 25 quy định: Số lượng thành viên HĐQT ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Tại thời điểm thông qua Điều lệ này, số lượng thành viên HĐQT là 5 người. Tổng số thành viên HĐQT không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT. Số lượng tối thiểu thành viên HĐQT không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống. Thành viên HĐQT không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.	Khoản 4 Điều 26 Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị
<b>15. Quy định trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt</b>		
Khoản 5 Điều 29 quy định: Trường hợp Chủ tịch Hội	Trước đây không quy định	Khoản 5 Điều 29 quy

<p>đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị [theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.</p>		<p>định trường hợp chủ tịch HĐQT vắng mặt</p>
<p><b>16. Tiền lương của người điều hành công ty</b></p>		
<p>Khoản 4 Điều 34 quy định: Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên</p>	<p>Trước đây không quy định</p>	<p>Khoản 4 Điều 34</p>
<p><b>17. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng đại học tốt nghiệp chuyên ngành</b></p>		
<p>Khoản 1 Điều 38 quy định: Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.</p>	<p>Trước đây không quy định</p>	<p>Khoản 1 Điều 38</p>
<p><b>18. Quy định thêm một số quyền hạn cho Ban kiểm soát</b></p>		
<p>Điều 39 quy định thêm một số quyền hạn cho Ban kiểm soát: - Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của</p>	<p>Trước đây không quy định</p>	<p>Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của BKS</p>

<p>Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.</li> <li>- Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.</li> </ul>		
<p><b>19. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ</b></p>		
<p>Khoản 1 Điều 46 quy định cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ</p>	<p>Khoản 1 Điều 40 quy định cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này mới có quyền điều tra sổ sách hồ sơ.</p>	<p>Khoản 1 Điều 46 Quyền tra cứu sổ sách hồ sơ</p>
<p><b>20. Bãi bỏ thời hạn Công ty kiểm toán độc lập trình báo cáo cho công HDQT</b></p>		
<p>Bãi bỏ quy định này</p>	<p>Khoản 2 Điều 51 quy định: Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính</p>	<p>Khoản 2 Điều 51. Kiểm toán</p>

**ĐIỀU LỆ**  
**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ-TKV**

*(Kèm theo báo cáo v/v sửa đổi bổ sung Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của HDQT, Quy chế hoạt động của BKS Công ty)*

**PHẦN MỞ ĐẦU**

1. Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV (dưới đây gọi là “Công ty”) được thành lập theo Luật Doanh nghiệp.

2. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty được xây dựng trên cơ sở:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

- Điều lệ mẫu áp dụng cho các Công ty đại chúng ban hành kèm theo Thông tư số: 116/2020/TT - BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

3. Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV thông qua ngày 29 tháng 04 năm 2021.

4. Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho mọi hoạt động của Công ty. Các quy định của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị khi được thông qua một cách hợp lệ, phù hợp với luật pháp và Điều lệ này, sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành các hoạt động kinh doanh

**Chương I**

**ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ**

**Điều 1. Giải thích từ ngữ, thuật ngữ trong Điều lệ**

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) "Hội đồng" có nghĩa là Hội đồng quản trị của Công ty được viết tắt là "HDQT".

## CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ-TKV

b) "Địa bàn kinh doanh" có nghĩa là phạm vi địa lý thực hiện các hoạt động kinh doanh của Công ty, bao gồm trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam.

c) "Vốn điều lệ" là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này.

d) "Vốn có quyền" biểu quyết là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

đ) "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.

e) "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.

g) "Ngày thành lập" có nghĩa là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu.

h) "Pháp luật" là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

i) "Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

k) "Người điều hành doanh nghiệp" là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.

l) "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp; Khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán.

m) "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần.

n) "Cổ đông sáng lập" là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần.

o) "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại Khoản 18, Điều 4, Luật Chứng khoán.

p) "Cổ tức" là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.

q) "Thời hạn hoạt động" có nghĩa là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được thông qua bằng một nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

r) "Sở giao dịch chứng khoán" là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

s) "Việt Nam" có nghĩa là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

2. Trong Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng. Trường hợp các văn bản pháp quy điều chỉnh các nội dung liên quan đến Điều lệ

## CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ-TKV

này bị sửa đổi, bổ sung, thay thế thì những nội dung liên quan trong Điều lệ này sẽ được thực hiện theo nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế của văn bản pháp quy đó. Đại hội đồng cổ đông lần gần nhất sau đó phải sửa lại Điều lệ cho phù hợp.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

### **Chương II**

#### **TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

**Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty**

1. Tên công ty;

a) Tên Công ty bằng tiếng Việt:

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ-TKV**

b) Tên Công ty bằng tiếng Anh:

**TKV-CAM PHA THERMAL POWER JOINT STOCK COMPANY**

c) Tên Công ty viết tắt: CPC.

2. Công ty có biểu tượng riêng như sau:



3. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

4. Công ty là Công ty con của Tổng công ty Điện lực TKV- CTCP do Tổng công ty chi phối thông qua tỷ lệ nắm giữ cổ phần chi phối tại Công ty, thông qua thương hiệu của Tổng công ty Điện lực -TKV, và thông qua các quyền chi phối khác theo quy định của pháp luật và quy chế quản lý của Tổng công ty.

5. Công ty được phép sử dụng nhãn hiệu "TKV" và "VINACOMIN" của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam trong tên gọi của Công ty bằng tiếng Việt và tiếng Anh theo Quy chế sử dụng nhãn hiệu của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và quy định của pháp luật.

Ngoài các quy định trong Điều lệ này, Công ty có trách nhiệm thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty đối với Tổng công ty Điện lực - TKV và các quy chế quản lý trong nội bộ Tổng công ty mà Công ty là một thành viên.

6. Trụ sở đăng ký của Công ty;

## CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ-TKV

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 1, đường Trần Quốc Tảng, phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

- Điện thoại: 02033 731 030

- Fax: 02033 730 956

- E-mail: campha.dtk@gmail.com

- Website: nhietdiencampha.com.vn

7. Công ty có thể thành lập chi nhánh và Văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với Nghị quyết của HĐQT và trong phạm vi luật pháp cho phép.

8. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại Khoản 2 Điều 58 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.

### **Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty**

Công ty có 01 Người đại diện theo pháp luật là Giám đốc Công ty. Người đại diện theo pháp luật có quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định hiện hành của pháp luật và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

## **Chương III**

### **MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

#### **Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty**

1. Mục tiêu hoạt động của Công ty là tối đa hoá các khoản lợi nhuận hợp lý cho Công ty, tăng lợi tức cho các cổ đông, đóng góp cho Ngân sách Nhà nước, đảm bảo quyền lợi cho người lao động và không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

2. Ngành nghề kinh doanh của Công ty;

- Đầu tư xây dựng, quản lý vận hành nhà máy nhiệt điện Cẩm Phả và bán điện cho hệ thống điện Quốc gia;

- Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật.

#### **Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty**

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

## **Chương IV**

### **VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**

**Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập**

**1. Vốn điều lệ;**

a) Vốn Điều lệ của Công ty là: **1.969.806.222.882 VND** (Một ngàn chín trăm sáu mươi chín tỷ tám trăm linh sáu triệu hai trăm hai mươi hai nghìn tám trăm tám mươi hai đồng).

Tổng số vốn Điều lệ của Công ty được chia thành 196.980.622 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần.

b) Công ty có thể thay đổi mức vốn điều lệ (tăng, giảm vốn điều lệ) khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

**2. Cổ phần;**

a) Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 của Điều lệ này.

Cổ phần phổ thông được dùng làm tài sản cơ sở để phát hành chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết được gọi là cổ phần phổ thông cơ sở. Chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết có lợi ích kinh tế và nghĩa vụ tương ứng với cổ phần phổ thông cơ sở, trừ quyền biểu quyết.

b) Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

c) Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông khi được Đại hội cổ đông cổ đông thông qua.

**d) Chào bán cổ phần;**

- Chào bán cổ phần là việc Công ty tăng thêm số lượng cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ.

- Chào bán cổ phần để tăng vốn điều lệ được thực hiện theo một trong các hình thức quy định tại Khoản 2, Điều 123 Luật Doanh nghiệp gồm:

(i) Chào bán cổ phần cho các cổ đông hiện hữu;

(ii) Chào bán cổ phần riêng lẻ;

(iii) Chào bán cổ phần ra công chúng.

- Việc chào bán cổ phần của Công ty thực hiện theo các quy định tại các Điều 123, 124, 125 của Luật Doanh nghiệp và quy định của pháp luật về chứng khoán.

**đ) Bán cổ phần**

Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ trường hợp quy định tại Điều 126 Luật Doanh nghiệp phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

**e) Mua lại cổ phần**



## CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ-TKV

Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Công ty có thể mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán theo quy định tại Điều 133 Luật Doanh nghiệp. Cổ phần được Công ty mua lại theo quy định tại Điều 132, 133 Luật Doanh nghiệp được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại Khoản 4, Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được Công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

g) Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

3. Cổ đông sáng lập là cổ đông tham gia xây dựng, thông qua và ký tên vào bản Điều lệ đầu tiên của Công ty. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác của các cổ đông sáng lập được nêu tại phụ lục đính kèm Điều lệ này. Trường hợp cổ đông sáng lập chuyển nhượng cổ phần theo quy định tại Điều 9 Điều lệ này, thì đương nhiên không còn là cổ đông sáng lập của Công ty, cổ đông nhận chuyển nhượng cổ phần có các quyền và trách nhiệm theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ này.

Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

### **Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu**

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

### **Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán, sổ đăng ký cổ đông**

1. Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu của Công ty và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

2. Sổ đăng ký cổ đông;

a) Công ty lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Cổ đông phổ thông và cổ đông ưu đãi khác có thể được đăng ký vào các sổ khác nhau. Sổ đăng ký cổ đông ít nhất phải có các nội dung sau:

- Tên, trụ sở chính của Công ty;
- Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
- Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn của cổ phần đã góp;
- Tên cổ đông được sắp xếp theo vần chữ cái, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức, số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

b) Sổ đăng ký cổ đông có thể được lập và lưu trữ bằng văn bản hoặc bằng tệp dữ liệu điện tử. Sổ đăng ký cổ đông có thể được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc nơi khác nhưng phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh và tất cả các cổ đông biết. Các cổ đông có quyền xem xét và nhận được bản sao danh sách cổ đông Công ty trong giờ làm việc tại nơi lưu giữ sổ đăng ký cổ đông.

3. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

### **Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần**

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu được niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền biểu quyết, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

3. Trong vòng 3 năm kể từ ngày thành lập, các cổ đông sáng lập phải cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp. Cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác. Trường hợp chuyển nhượng số cổ phần này cho những người không phải là cổ đông sáng lập thì cần phải có sự đồng ý

của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó và người nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập của Công ty.

4. Trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác (phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp), tất cả các cổ phần chuyển nhượng đều có thể thực hiện thông qua việc chuyển nhượng bằng văn bản theo cách thông thường, hoặc theo bất kỳ cách nào mà HĐQT có thể chấp nhận. Cổ phiếu đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch phải được chuyển nhượng thông qua Sở giao dịch chứng khoán phù hợp với các quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông (trừ trường hợp bên chuyển nhượng ủy quyền cho bên nhận chuyển nhượng tham dự Đại hội cổ đông diễn ra trong thời gian đó theo quy định tại Luật Doanh nghiệp).

5. Trong trường hợp cổ đông cá nhân bị chết hoặc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền tuyên bố là mất tích, những người thừa kế hoặc những người quản lý tài sản của người chết, người mất tích sẽ được Công ty thừa nhận là người (hoặc những người) duy nhất có quyền hoặc hưởng lợi đối với cổ phần, nhưng quy định này không giải tỏa tài sản của cổ đông đã chết, đã mất tích khỏi mọi trách nhiệm gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà người đó nắm giữ. Trường hợp cổ phần của cổ đông bị chết, mất tích mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật dân sự.

6. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Công ty.

7. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và Công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

8. Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông Công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

#### **Điều 10. Thu hồi và thanh toán mua cổ phần**

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phần, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ-TKV

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Nếu sau thời hạn quy định, cổ đông chưa thanh toán hoặc chỉ thanh toán được một phần số cổ phần đã đăng ký mua thì thực hiện như sau:

a) Cổ đông chưa thanh toán toàn bộ số cổ phần đã đăng ký mua sẽ đương nhiên không còn là cổ đông của Công ty và không được chuyển nhượng quyền mua cổ phần đó cho người khác;

b) Cổ đông chỉ thanh toán một phần số cổ phần đã đăng ký mua sẽ có quyền biểu quyết, nhận lợi tức và các quyền khác tương ứng với số cổ phần đã thanh toán; không được chuyển nhượng quyền mua số cổ phần chưa thanh toán cho người khác;

c) Số cổ phần chưa thanh toán được coi là cổ phần chưa bán và Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu tại Khoản 2 Điều này không được thực hiện và quyết định phương án xử lý tiếp theo.

5. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán theo quy định tại Khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

6. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi do chưa thanh toán hoặc chưa thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi (tính theo lãi suất tiền gửi không kỳ hạn VND tại ngân hàng mà Công ty mở tài khoản) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

7. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

8. Cổ đông chưa thanh toán hoặc chưa thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với các nghĩa vụ tài chính của công ty phát sinh cho đến khi cổ phần bị thu hồi.

### **Chương V CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT**

---

#### **Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát của Công ty**

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty;

2. Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;

3. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;

4. Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra để thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

## **Chương VI CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

### **Điều 12. Quyền của cổ đông**

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

## CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ-TKV

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

### **Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông**

## CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ-TKV

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành các quyết định, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT Công ty;

2. Tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký theo quy định; không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và các thành viên HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;

6. Hoàn thành các nghĩa vụ khác do luật pháp quy định và Điều lệ này;

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

8. Cổ đông lớn có nghĩa vụ của cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp, ngoài ra phải đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ sau:

a) Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của Công ty và của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

b) Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

### **Điều 14. Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội

đồng quản trị quyết định gia hạn hợp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ



tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

### **Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;
- đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

- e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
- l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
- m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 16. Ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông**

1. Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức trực tiếp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền theo quy định tại Khoản 4 Điều này thì ủy quyền người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Đại diện được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông.

2. Việc chỉ định đại diện được ủy quyền phải được lập bằng văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

## CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ-TKV

a) Trường hợp cổ đông là cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

b) Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

c) Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp;

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Công ty trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của cổ đông;

b) Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký cổ đông tại Công ty;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo ủy quyền;

d) Số cổ phần được ủy quyền đại diện;

đ) Thời hạn đại diện theo ủy quyền;

e) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo ủy quyền và người đại diện theo pháp luật của cổ đông.

5. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền;

Tuy nhiên, quy định này sẽ không áp dụng nếu Công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp nêu trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

6. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng trở thành cổ đông của Công ty trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

7. Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- b) Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp;
- c) Cổ đông là doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại Khoản 1, Điều 88 Luật Doanh nghiệp không được cử: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng của người quản lý và của người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty làm người đại diện theo ủy quyền tại Công ty;

8. Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân thực hiện theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản lý của tổ chức cử người đại diện theo ủy quyền hoặc theo yêu cầu của cá nhân ủy quyền;

9. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

### **Điều 17. Thay đổi các quyền**

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức một cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu tại Khoản 1 điều này chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại

điện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 20 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản về phát hành cổ phần được quy định khác đi, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi trong một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

**Điều 18. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Công ty phải tuân thủ trình tự, thủ tục về triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy định nội bộ của Công ty. Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền cho các cổ đông được quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

2. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b, hoặc tại điểm c, Khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

3. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông; Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho Đại hội phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ Đại hội đồng cổ đông.

4. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty và Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng

khoản .Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm theo thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ hướng dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
- đ) Mẫu chỉ định người đại diện theo ủy quyền dự họp.

5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 2 Điều 12 của Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

6. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối những kiến nghị liên quan đến Khoản 5 của Điều này, thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Khoản 5 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% trở lên cổ phần phổ thông theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi, thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 5 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định ở Khoản 6 Điều này. Kiến nghị sẽ được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

8. Hội đồng quản trị hoặc người có thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các trường hợp quy định tại điểm b, hoặc tại điểm c Khoản 4 Điều 14 Điều lệ này phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết từng vấn đề trong chương trình họp.

#### **Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất không có đủ số lượng đại biểu cần thiết theo quy định tại Khoản 1 Điều này, thì trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập họp lần thứ hai trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện từ 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp đại hội đồng cổ đông lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai thì thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba phải được gửi đi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội đồng cổ đông lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất dự kiến phê chuẩn.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

#### **Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông**

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và

sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:



a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

### **Điều 21. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ Công ty;

b) Định hướng phát triển Công ty (kế hoạch phát triển ngắn hạn, dài hạn);

c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Ban kiểm soát;

d) Quyết định đầu tư, bán tài sản của Công ty hoặc giao dịch mua do Công ty thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

e) Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị góp vốn, mua cổ phần từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

g) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;

h) Tổ chức lại, giải thể, phá sản Công ty;

3. Nghị quyết về các nội dung sau đây được thông qua khi có từ 65% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần được chào bán của từng loại;

b) Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi mô hình tổ chức quản lý và hoạt động của Công ty theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp;

d) Quyết định đầu tư, bán tài sản của Công ty hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

đ) Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị góp vốn, mua cổ phần từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

e) Tổ chức lại, giải thể, phá sản Công ty;

g) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;

4. Nghị quyết về các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (trừ các nội dung quy định tại Khoản 3, Khoản 5, Khoản 7 Điều này) được thông qua khi có trên 50% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu được quy định tại Điều 42 Điều lệ này.

6. Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày được thông qua, hoặc được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.

7. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

8. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

**Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì

lợi ích của Công ty (trừ các nội dung quy định tại Khoản 2, Điều 21 Điều lệ này phải được biểu quyết thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông). Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo Nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 4, Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký doanh nghiệp của Công ty;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT Công ty;

h) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi Fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua Fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi Fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký doanh nghiệp ;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu;

Các thành viên Hội đồng quản trị và người kiểm phiếu, giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu và nghị quyết phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết, quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như Nghị quyết, quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

#### **Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông**

1. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2, Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 8, Điều 21 Điều lệ này;

b) Trình tự, thủ tục ra nghị quyết và nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

2. Trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

**Chương VII**  
**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

**2. Giới thiệu, đề cử vào Hội đồng quản trị**

Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.

**Điều 26. Số lượng, thành phần, nhiệm kỳ thành viên Hội đồng quản trị**

1. Số lượng thành viên HĐQT là 5 người. Tổng số thành viên HĐQT không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT. Số lượng tối thiểu thành viên HĐQT không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống. Thành viên HĐQT không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

3. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.

4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp Công ty trở thành công ty niêm yết thì tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo tối thiểu 01 thành viên độc lập. Cơ cấu Hội đồng quản trị đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty và có xét yếu tố về giới tính.

5. Một thành viên HĐQT sẽ không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:

a) Không đủ tư cách làm thành viên HĐQT nữa theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm làm thành viên HĐQT;

b) Gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

c) Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự;

d) Vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của HĐQT liên tục trong vòng 6 tháng mà không có sự cho phép của HĐQT và HĐQT đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng;

đ) Bị bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

e) Không còn là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;

g) Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty nữa;

h) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

i) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

k) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

6. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên HĐQT mới để thay thế chỗ trống bất ngờ phát sinh trong HĐQT và thành viên này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được HĐQT bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của HĐQT. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của HĐQT cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên HĐQT thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

7. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

### **Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát hoặc chỉ đạo thực hiện của HĐQT. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo Giám đốc và các cán bộ quản lý, cán bộ điều hành khác trong việc quản lý, điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.

3. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ, quyết định mức lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Giám đốc Công ty và các chức danh cán bộ quản lý, cán bộ điều hành khác trên cơ sở Quy chế quản lý của Công ty và theo đề nghị của Giám đốc; Quyết định cử người đại diện thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác cùng với mức thù lao và lợi ích khác của những người đó. Tuy nhiên, việc bãi nhiệm các chức danh cán bộ quản lý, cán bộ điều hành Công ty không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);

d) Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị góp vốn, mua cổ phần dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán theo đề nghị của Giám đốc Công ty;



d) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty;

Đề xuất việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty, đề xuất Quy chế nội bộ về quản trị Công ty để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo thẩm quyền. Quyết định tổ chức lại, giải thể, chuyển đổi Công ty, quyết định Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua;

e) Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý, cán bộ điều hành cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý, cán bộ điều hành đó;

g) Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại; Quyết định chào bán cổ phần chào bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác; Quyết định tiến độ huy động vốn điều lệ của Công ty; Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

h) Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước; Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;

i) Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

k) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp;

l) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

m) Chấp thuận các hợp đồng và giao dịch được ký giữa Công ty và những đối tượng quy định tại Khoản 1, Điều 167 Luật Doanh nghiệp có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên HĐQT, BKS về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó, đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo, thành viên HĐQT có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết;

n) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại Điểm s, Khoản 2 Điều 15 Điều lệ này, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

o) Quyết định đầu tư, bán tài sản của Công ty có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

p) Quyết định hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó;

q) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

r) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

s) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông biết việc HĐQT bổ nhiệm Giám đốc;

t) Được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty (nếu có);

u) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định.

4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a) Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty; thành lập các Công ty con của Công ty (nếu có);

b) Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 153 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 138 và Khoản 1, Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;

c) Việc chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và luật sư của Công ty;

d) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

đ) Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách hoặc vượt quá giá trị kế hoạch; hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

e) Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp của Công ty quy định tại điểm d, Khoản 3 Điều này tại những công ty khác;

g) Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

h) Việc Công ty mua lại hoặc thu hồi không quá 10% cổ phần theo từng loại của Công ty, bao gồm cả mức giá mua hoặc thu hồi;

i) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà HĐQT quyết định cần phải có sự chấp thuận của các thành viên HĐQT trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;

k) Quyết định mức giá mua lại, thu hồi cổ phần hoặc giá bán cổ phần của Công ty.

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

6. HĐQT có thể ủy quyền cho viên chức cấp dưới và các cán bộ quản lý, cán bộ điều hành đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty, trừ khi luật pháp có quy định khác.

7. HĐQT thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác được quy định tại quy chế hoạt động của HĐQT. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết.

8. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, HĐQT tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

#### **Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

### **Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10 ngày) kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

### **Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Cuộc họp bầu Chủ tịch HĐQT.

Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Các cuộc họp định kỳ.

Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần.

**3. Các cuộc họp bất thường.**

Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người điều hành khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Các trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều này phải được Chủ tịch Hội đồng quản trị tiến hành trong thời hạn 07 ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

**6. Địa điểm họp.**

Các cuộc họp HĐQT sẽ được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của HĐQT.

**7. Thông báo và chương trình họp.**

a) Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày tổ chức họp, đồng thời có thể gửi Giám đốc Công ty không phải là thành viên HĐQT; các thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT và các phiếu biểu quyết của thành viên HĐQT.

b) Thông báo mời họp được gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên được đăng ký tại công ty.

**8. Số thành viên tham dự tối thiểu.**

a) Cuộc họp của Hội đồng quản trị theo giấy triệu tập lần thứ nhất được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

b) Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại điểm a Khoản 8 Điều này không đủ số thành viên dự họp theo quy định, thì cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

c) Nếu không đủ số lượng thành viên như vậy thì cuộc họp HĐQT sẽ được tổ chức lại lần thứ ba vào ngày làm việc tiếp theo tại cùng một địa điểm và cùng thời gian, khi đó cuộc họp HĐQT luôn là hợp lệ mà không phụ thuộc vào số lượng thành viên tham dự.

#### 9. Biểu quyết.

a) Trừ trường hợp quy định tại điểm b Khoản 9 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một (01) phiếu biểu quyết.

b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

c) Theo quy định tại điểm d Khoản 9 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ.

d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 5 Điều 44 Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

đ) Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty không phải là thành viên Hội đồng quản trị có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

#### 10. Công khai lợi ích.

Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai lợi ích này trong cuộc họp

đầu tiên của Hội đồng quản trị thảo luận, xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên HĐQT không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên HĐQT này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Biểu quyết đa số.

Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số (trên 50%) thành viên dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

12. Việc bỏ phiếu của người vắng mặt.

Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Phiếu biểu quyết bằng văn bản phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

13. Hợp trực tuyến hoặc các hình thức khác.

Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a) Nghe từng thành viên Hội đồng khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận, trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp trực tuyến được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

14. Nghị quyết bằng văn bản.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

15. Biên bản cuộc họp HĐQT.

Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi đi. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh, có các nội dung chủ yếu theo Điều 158 Luật Doanh nghiệp và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự và người ghi biên bản. Cuộc họp HĐQT có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác.

**16. Những người được mời họp dự thính.**

Người phụ trách quản trị (Thư ký) Công ty, Giám đốc điều hành, các Kiểm soát viên, những cán bộ điều hành khác (nếu không phải là thành viên Hội đồng quản trị) và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp HĐQT theo lời mời của Hội đồng quản trị nhưng không được biểu quyết trừ khi bản thân họ có quyền được biểu quyết như thành viên Hội đồng quản trị.

**Điều 31. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm soát nội bộ. Thành viên của tiểu ban có ít nhất ba (03) người, bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị độc lập/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

**Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị Công ty kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a) Có hiểu biết về pháp luật;
- b) Không được đồng thời làm việc cho Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- c) Am hiểu hoạt động kinh doanh và quản trị nội bộ của Công ty; Có khả năng tổng hợp, sử dụng thành thạo tin học, và các thiết bị văn phòng;



d) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

4. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

i) Được hưởng thù lao (phụ cấp) theo Quy chế quản lý nội bộ của Công ty và/hoặc theo quyết định của Hội đồng quản trị;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

## **Chương VIII GIÁM ĐỐC CÔNG TY, VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC CỦA CÔNG TY**

### **Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý**

Công ty thiết lập và ban hành hệ thống quản lý đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước HĐQT và chịu sự giám sát, chỉ đạo của HĐQT trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có một Giám đốc, một số Phó giám đốc, một Kế toán trưởng và các chức danh điều hành khác do HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm theo Quy chế quản lý của Công ty. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết HĐQT được thông qua một cách hợp thức. Giám đốc và các Phó giám đốc Công ty có thể đồng thời cùng là thành viên HĐQT.

### **Điều 34. Người điều hành Công ty**

1. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được quyền tuyển dụng, sử dụng cán bộ điều hành khác với số lượng

và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và cơ chế quản lý công ty do Hội đồng quản trị quy định. Cán bộ điều hành Công ty phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các chế độ chính sách khác đối với Giám đốc Công ty sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với cán bộ điều hành khác sẽ do HĐQT quyết định trên cơ sở đề xuất của Giám đốc.

4. Tiền lương của Giám đốc và cán bộ điều hành khác của Công ty được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên.

### **Điều 35. Bổ nhiệm, bãi miễn, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc**

#### **1. Bổ nhiệm.**

HĐQT bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Giám đốc Công ty và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan. Thông tin về tiền lương, thù lao, và lợi ích khác của Giám đốc Công ty phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

#### **2. Nhiệm kỳ.**

Nhiệm kỳ của Giám đốc là 05 năm trừ khi HĐQT có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại Hợp đồng lao động (nếu có).

#### **3. Tiêu chuẩn.**

a) Giám đốc Công ty phải có tiêu chuẩn theo Điều 64 Luật Doanh nghiệp và không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho Công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản;

b) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật.

#### **4. Quyền hạn và nhiệm vụ.**

a) Thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông; tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b) Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty thuộc thẩm quyền của Giám đốc hoặc không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng và giao dịch tài chính và thương mại theo thẩm quyền hoặc các hợp đồng, giao dịch đã được HĐQT, Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định của Điều lệ này, tổ chức và điều hành

## CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ-TKV

hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c) Đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức hoặc ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ, quyết định mức lương của Phó giám đốc, Kế toán trưởng Công ty, các cán bộ điều hành khác theo Quy chế quản lý của Công ty và cử, bãi miễn người đại diện quản lý phần vốn của Công ty đầu tư ở doanh nghiệp khác;

d) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, xếp lương, cho nghỉ chế độ đối với các chức danh cán bộ, nhân viên trong Công ty không thuộc diện phải trình HĐQT phê chuẩn (đối với những chức danh cần phải được sự thông qua của HĐQT thì chỉ được quyết định sau khi đã báo cáo và được HĐQT thông qua);

đ) Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động của Công ty. Tuyển dụng lao động, ký kết hợp đồng lao động, bố trí sử dụng, quyết định lương và phụ cấp (nếu có), khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ hoặc cho thôi việc người lao động trong Công ty theo quy định của pháp luật về lao động và quy chế của Công ty;

e) Đề nghị Hội đồng quản trị quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty; góp vốn mua cổ phần của doanh nghiệp khác; đề nghị phê duyệt các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty. Đề nghị thông qua đề xuất việc tổ chức lại, chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty, đề xuất Quy chế nội bộ về quản trị Công ty báo cáo HĐQT để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo thẩm quyền;

g) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh; đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

h) Xây dựng dự thảo chiến lược phát triển, kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm, các dự án đầu tư, các quy chế quản lý nội bộ của Công ty để trình HĐQT;

i) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

k) Chậm nhất vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Giám đốc điều hành phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu kinh doanh và phù hợp với kế hoạch tài chính 5 năm;

l) Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của HĐQT, hợp đồng lao động của Giám đốc điều hành và pháp luật;

## CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ-TKV

m) Có quyền từ chối thực hiện những quyết định của Chủ tịch hay thành viên Hội đồng quản trị nếu thấy trái pháp luật, trái Điều lệ này hoặc trái với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; đồng thời phải có trách nhiệm thông báo ngay bằng văn bản cho Ban kiểm soát;

n) Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, hoả hoạn, sự cố bất khả kháng và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị;

o) Thực hiện trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật của Công ty được quy định tại Điều 13 Luật Doanh nghiệp.

### 5. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông.

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.

### 6. Miễn nhiệm.

HDQT có thể miễn nhiệm Giám đốc Công ty khi có đa số (trên 50%) thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Giám đốc Công ty mới thay thế. Giám đốc Công ty bị miễn nhiệm có quyền phản đối việc miễn nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.

### 7. Từ nhiệm hoặc mất tư cách.

a) Khi muốn từ nhiệm, Giám đốc Công ty phải có đơn gửi HDQT. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đơn, HDQT phải xem xét và quyết định.

b) Giám đốc Công ty mất tư cách khi bị chết, mất trí, mất quyền công dân hoặc tự ý bỏ nhiệm sở 03 ngày trở lên. Trong trường hợp này, HDQT phải tạm cử người thay thế không quá 30 ngày và tiến hành các thủ tục bổ nhiệm Giám đốc mới.

### 8. Ủy quyền, ủy nhiệm.

a) Giám đốc Công ty có thể ủy quyền hoặc ủy nhiệm cho các Phó giám đốc hoặc người khác thay mình giải quyết một số phần việc của Công ty và chịu trách nhiệm pháp lý về sự ủy quyền hoặc ủy nhiệm đó;

b) Người được ủy quyền, ủy nhiệm phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Giám đốc Công ty và pháp luật về những công việc mình làm;

c) Sự ủy quyền, ủy nhiệm liên quan đến con dấu của Công ty phải được thực hiện bằng văn bản và có thời hạn.

## **Chương IX BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)**

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Ban kiểm soát được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công

bổ tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm Kiểm soát viên. Thông tin liên quan đến ứng viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ học vấn;
- c) Trình độ chuyên môn;
- d) Quá trình công tác;
- đ) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ Kiểm soát viên và các chức danh quản lý, điều hành khác;
- e) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là Kiểm soát viên của Công ty;
- g) Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i) Các thông tin khác (nếu có).

**2. Giới thiệu, đề cử vào Ban kiểm soát.**

Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ ba (03) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Thủ tục và cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

**Điều 37. Số lượng, thành phần, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên**

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi miễn. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 05 năm; Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Kiểm soát viên đó bị pháp luật cấm làm Kiểm soát viên hoặc không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp;

b) Kiểm soát viên đó có đơn từ chức được gửi đến trụ sở chính Công ty và được chấp thuận;

c) Kiểm soát viên đó bị rối loạn tâm thần và các Kiểm soát viên khác có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;

d) Kiểm soát viên đó không thực hiện nghĩa vụ của mình, vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép Kiểm soát viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng;

đ) Kiểm soát viên đó bị bãi nhiệm Kiểm soát viên theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông do không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

e) Không còn là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;

g) Là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty nữa;

h) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, điều lệ này.

4. Kiểm soát viên có thể được thay thế khi có chỗ trống bất ngờ phát sinh. Kiểm soát viên thay thế phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc thay thế Kiểm soát viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban kiểm soát thay thế. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên mới được tính từ ngày việc thay thế có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Trong trường hợp Kiểm soát viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Ban kiểm soát cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của Kiểm soát viên thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

5. Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và bãi nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.

6. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

---

### **Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát**

## CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ-TKV

1. Các Kiểm soát viên phải bầu một Kiểm soát viên làm Trưởng ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty.

2. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a) Triệu tập và chủ trì cuộc họp Ban kiểm soát;
- b) Yêu cầu HĐQT, Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý, điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;
- c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát**

1. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát có quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và nghĩa vụ sau đây:

a) Giám sát tình hình tài chính của Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành, và người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông;

b) Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về hoạt động giám sát và thực hiện các nhiệm vụ được giao;

c) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

d) Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;

đ) Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty;

e) Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 12 của Điều lệ này;

g) Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 12 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn

đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

h) Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty; Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;

i) Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và người điều hành khác vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

k) Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán; thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

l) Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Ban điều hành, quản lý Công ty; xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của Ban điều hành, quản lý Công ty;

m) Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập hoặc bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao;

n) Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Tham dự các cuộc họp của HĐQT theo giấy mời, phát biểu ý kiến nhưng không được tham gia biểu quyết;

p) Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

q) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

## 2. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị;

b) Thành viên của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và cán bộ điều hành khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công



tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát;

c) Người phụ trách quản trị (Thư ký) Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản, nghị quyết họp Hội đồng quản trị, họp Đại hội đồng cổ đông sẽ phải được cung cấp cho Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị;

đ) Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý, điều hành và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc;

e) Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị liên quan đến kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính, báo cáo đánh giá công tác quản lý điều hành Công ty phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

### 3. Nghĩa vụ của Kiểm soát viên:

a) Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao;

b) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty;

c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông Công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Trường hợp vi phạm quy định tại các điểm a, b, c của Khoản này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì các Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó;

Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

đ) Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

### **Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát**

1. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số thành viên trở lên dự họp. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký (nếu có) và các Kiểm soát

viên tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm.

**Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát**

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

**Chương X**

**BẦU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT**

**Điều 42. Bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát**

1. Các cổ đông phổ thông tự nguyện tập hợp thành nhóm thoả mãn các điều kiện quy định để đề cử người vào HĐQT và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết chậm nhất ngay khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty sẽ thông báo cho các cổ đông dự họp về thông tin trên tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Căn cứ số lượng thành viên HĐQT và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này được quyền đề cử một hoặc một số người làm ứng cử viên HĐQT và Ban kiểm soát theo quy định tại các Khoản 2 Điều 25 và Khoản 2 Điều 36 tương ứng của Điều lệ này. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết

tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu hoặc đại diện nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

4. Những người trúng cử thành viên HĐQT hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.

5. Trường hợp bầu lần thứ nhất không đủ số lượng thành viên HĐQT và Ban kiểm soát theo quy định thì phải tiến hành bầu tiếp lần hai trong số những người đã được đề cử của lần thứ nhất còn lại. Trường hợp khi bầu lần thứ hai vẫn chưa đủ số lượng quy định thì Đại hội đồng cổ đông quyết định có bầu tiếp hay không, nếu Đại hội đồng cổ đông không quyết định được thì chủ tọa Đại hội quyết định.

## Chương XI

### TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN GIÁM ĐỐC CÔNG TY VÀ CÁN BỘ ĐIỀU HÀNH KHÁC

#### **Điều 43. Trách nhiệm cần trọng của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty và cán bộ điều hành**

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty và cán bộ điều hành khác được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cần trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

#### **Điều 44. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty và cán bộ điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của

pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty, cán bộ điều hành khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân nào mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng Tập đoàn hoặc các Công ty hoạt động theo nhóm Công ty, bao gồm Công ty mẹ - Công ty con, Tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty, cán bộ điều hành khác, hoặc các cá nhân, tổ chức liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty, cán bộ điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc, cán bộ điều hành khác đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc

b) Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, cán bộ điều hành đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua hoặc phê chuẩn;

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty, cán bộ điều hành khác, các cá nhân và tổ chức có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

#### **Điều 45. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

##### **1. Trách nhiệm về thiệt hại.**

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty và cán bộ điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn cẩn và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

**2. Bồi thường.**

Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ điều hành, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ điều hành, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, cẩn cẩn vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, cán bộ điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a) Đã hành động trung thực, cẩn trọng, cẩn cẩn vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

**Chương XII**

**QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**

**Điều 46. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định

## CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ-TKV

của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

### **Chương XIII**

### **NGƯỜI LAO ĐỘNG, CÔNG ĐOÀN VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI TRONG CÔNG TY**

#### **Điều 47. Người lao động, công đoàn và tổ chức chính trị - xã hội**

1. Giám đốc Công ty phải lập kế hoạch để HDQT thông qua về các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ điều hành Công ty, các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam.

3. Tổ chức công đoàn, các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và điều lệ của các tổ chức đó.

4. Công ty có nghĩa vụ tôn trọng và không được cản trở, gây khó khăn trong việc thành lập tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội tại Công ty; không được cản trở, gây khó khăn cho người lao động tham gia hoạt động trong các tổ chức này; tạo điều kiện cho các tổ chức trên hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ và điều lệ của mình.

**Chương XIV**  
**PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

**Điều 48. Phân phối lợi nhuận**

1. Lợi nhuận trước thuế của Công ty sau khi bù đắp lỗ năm trước (nếu có) theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, trích quỹ Phát triển khoa học và công nghệ (nếu có) theo quy định, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và hoàn thành các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật phần còn lại được sử dụng như sau:

a) Chia cổ tức;

b) Trích lập các quỹ theo quy định hiện hành của pháp luật.

2. Mức cổ tức, hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty và tỷ lệ trích lập các quỹ do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề nghị của HĐQT.

**Điều 49. Cổ tức**

1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức HĐQT đề nghị và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. HĐQT có thể quyết định thanh toán tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. HĐQT có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc từng phần cổ tức bằng cổ phần và HĐQT là cơ quan thực thi nghị quyết này. Công ty có thể chi trả cổ tức bằng cổ phần, trình tự và thủ tục thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phần thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, HĐQT thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận thực hiện theo quy định của pháp luật.

## **Chương XV**

### **TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

#### **Điều 50. Tài khoản ngân hàng**

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

#### **Điều 51. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng Mười Hai cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng Mười Hai của năm đó, nếu lớn hơn 90 ngày; trường hợp nhỏ hơn 90 ngày thì được cộng vào năm tài chính tiếp theo.

#### **Điều 52. Chế độ kế toán**

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ kế toán Việt Nam (VAS) và chế độ kế toán doanh nghiệp phù hợp theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng Đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

## **Chương XVI**

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN**

#### **Điều 53. Báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý**

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật và phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 56 Điều lệ này; trong thời hạn



## CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ-TKV

90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, cơ quan đăng ký kinh doanh và Tổng công ty Điện lực TKV-CTCP.

2. Báo cáo tài chính hàng năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm, Công ty còn phải lập bảng cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các Báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và Báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết/công ty đại chúng quy mô lớn) theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp và Tổng công ty Điện lực TKV-CTCP.

4. Các Báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), Báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

### **Điều 54. Báo cáo thường niên**

Công ty phải lập và công bố báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán, thị trường chứng khoán và Tổng công ty Điện lực TKV-CTCP.

### **Điều 55. Công khai thông tin**

Công ty phải lập và công bố công khai thông tin theo quy định tại Điều 176 của Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

## **Chương XVII KIỂM TOÁN CÔNG TY**

### **Điều 56. Kiểm toán**

1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập, hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả

thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho HĐQT trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Một bản sao của Báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà mọi cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

## **Chương XVIII DẤU CỦA DOANH NGHIỆP**

### **Điều 57. Dấu của doanh nghiệp**

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

## **Chương XIX GIẢI THỂ CÔNG TY**

### **Điều 58. Giải thể công ty**

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
- c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

### **Điều 59. Thanh lý**

1. Ít nhất sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, HĐQT phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên trong đó do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do HĐQT chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày mà Ban được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động trên thực tế. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
- c) Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
- d) Các khoản vay (nếu có);
- đ) Các khoản nợ khác của Công ty;
- e) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ mục a đến đ trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

## **Chương XX**

### **GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

#### **Điều 60. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

- a) Cổ đông với Công ty; hoặc
- b) Cổ đông với HĐQT, Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty hay cán bộ điều hành khác;

thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT thì Chủ tịch Hội đồng sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát hoặc một cơ quan chức năng chuyên môn chỉ

định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án có thẩm quyền.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của trọng tài/tòa án sẽ do trọng tài/tòa phán quyết bên nào phải chịu.

## **Chương XXI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 61. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ**

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

### **Điều 62. Hiệu lực thi hành**

1. Bản Điều lệ này gồm XXI Chương và 62 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV nhất trí thông qua ngày 29 tháng 04 năm 2021 tại Phường Cẩm Thịnh, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Bùi Minh Tân**

## QUY CHẾ

**Nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV**  
(Kèm theo báo cáo v/v sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty)

*Căn cứ:*

- Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 34/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021;

*Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty bao gồm các nội dung sau:*

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và những người liên quan.

3. Giải thích từ ngữ: Trong Quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

a) “Quản trị công ty”: là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty.

b) “Công ty”: là Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV.

c) “Điều lệ”: là bản Điều lệ được Đại hội đồng Công ty thông qua một cách hợp pháp.

d) “Cổ đông”: là những cá nhân, tổ chức sở hữu cổ phiếu của Công ty.

đ) “Đại hội đồng Cổ đông” hoặc “Đại hội”: là Đại hội đồng Cổ đông Công ty.

e) “Người có liên quan”, “Người nội bộ”:

- “Người có liên quan” là những đối tượng theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020.

- “Người nội bộ” là những đối tượng theo quy định tại Điểm a Khoản 45 Điều 4 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019.

f) “Hội đồng quản trị”: là Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV (viết tắt là HĐQT).

g) “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành”: là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

h) Người quản lý doanh nghiệp được quy định tại khoản 24 Điều 4 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020.

k) “Người điều hành doanh nghiệp”: là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

m) Các từ viết tắt, cum từ rút gọn trong Quy chế:

- UBCKNN: là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

- TTLKCK: là Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam;

- SGDCKHN: là Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, viết tắt là HNX;

- “Luật Chứng khoán”: Là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

- “Luật Doanh nghiệp”: Là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020.

4. Trong quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản trong Điều lệ hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

## **Điều 2. Đại hội đồng cổ đông**

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- m) Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông:

Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp như quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty.

b) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông: Công ty phải chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

c) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông: Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

d) Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông: Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ).

d) Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông (người có nhiệm vụ chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông; quy định về kiến nghị của cổ đông đưa vào chương trình họp):

Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- Phiếu biểu quyết;
- Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị này và trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do trước thời gian khai mạc Đại hội 02 (hai) ngày về các kiến nghị bị từ chối nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- + Kiến nghị được gửi đến không đúng thời gian quy định (kiến nghị phải được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc);
- + Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên;
- + Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- + Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị vấn đề đưa vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp (trừ trường hợp quy định bị từ chối nêu trên); kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

e) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông tuân thủ theo quy định tại Điều 16 Điều lệ Công ty.

g) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông:

Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Người



được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

- Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

- Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

h) Điều kiện tiến hành:

h1 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

h2 Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản h1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

h3 Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản h2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

i) Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác theo quy định của Điều lệ Công ty. Những nội dung bắt buộc phải thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hình thức biểu quyết tại cuộc họp tuân thủ theo khoản 1 Điều 21 Điều lệ Công ty hoặc khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

k) Cách thức bỏ phiếu: Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua quy chế Đại hội, quy chế ứng cử, đề cử, bầu cử, biểu quyết của Đại hội. Đại hội đồng cổ

đồng thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình của Đại hội.

l) Cách thức kiểm phiếu: Ban tổ chức Đại hội thành lập Tổ kiểm phiếu, tiến hành kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu.

m) Điều kiện để nghị quyết được thông qua:

- Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành (trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp):

+ Loại cổ phần và tổng số cổ phần được chào bán của từng loại;

+ Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh;

+ Thay đổi mô hình tổ chức quản lý và hoạt động của Công ty theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp;

+ Quyết định đầu tư, bán tài sản của Công ty hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

+ Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị góp vốn, mua cổ phần từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

+ Tổ chức lại, giải thể, phá sản Công ty;

+ Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;

- Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp .

- Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

n) Thông báo kết quả kiểm phiếu: Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó hoặc công bố trước khi bế mạc Đại hội đồng cổ đông.

o) Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp, Điều 24 Điều lệ Công ty.

p) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông: Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản. Việc lập biên bản Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 23 Điều lệ Công ty.

q) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản: Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

b) Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định tại Điều 22 Điều lệ Công ty.

4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến (bao gồm trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp và biểu quyết): Khi Đại hội đồng cổ đông không tổ chức bằng hình thức trực tiếp hoặc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, nếu điều kiện hạ tầng kỹ thuật thông tin và các điều kiện khác được đảm bảo thì có thể tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến. Trường hợp tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến, HĐQT Công ty quy định rõ các nội dung sau:

- a) Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
- b) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
- c) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
- d) Điều kiện tiến hành;
- đ) Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
- e) Cách thức bỏ phiếu trực tuyến;
- g) Cách thức kiểm phiếu trực tuyến;
- h) Thông báo kết quả kiểm phiếu;
- i) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
- k) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức Hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến (bao gồm trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp và biểu quyết): Đại hội đồng cổ đông có thể tổ chức bằng hình thức trực tiếp kết hợp với trực tuyến, nếu điều kiện hạ tầng kỹ thuật thông tin và các điều kiện khác được đảm bảo. Trường hợp tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến, HĐQT Công ty quy định rõ các nội dung sau:

- a) Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;
- b) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;
- c) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông;
- d) Điều kiện tiến hành;
- đ) Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- e) Cách thức bỏ phiếu;
- g) Cách thức kiểm phiếu;
- h) Thông báo kết quả kiểm phiếu;

i) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;

k) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

6. Công ty có thể tổ chức các hình thức họp Đại hội đồng cổ đông khác phù hợp với yêu cầu pháp luật.

### **Điều 3. Hội đồng quản trị**

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị (bao gồm cả quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị) thực hiện theo quy định của Điều 27 Điều lệ Công ty và Điều 159 Luật Doanh nghiệp, khoản 3 Điều 41 Luật Chứng khoán, cụ thể:

a) Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

b) Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

- Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

- Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

- Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Pháp luật;

- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

- Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

- Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

- Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

- Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

- Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty;

- Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị được quy định theo khoản 1, 2 Điều 26 Điều lệ Công ty, cụ thể như sau:

- Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc;

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi miễn.

b) Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị:

- Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị được quy định theo khoản 4 Điều 26 Điều lệ Công ty;

- Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định của Điều 155 Luật Doanh nghiệp. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;

- Thành viên Hội đồng quản trị thực hiện quyền và trách nhiệm theo quy định tại khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 41 Luật Chứng khoán.

c) Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 25 Điều lệ Công ty.

d) Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị:

- Bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu hoặc đại diện nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;

- Những người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử;

- Trường hợp bầu lần thứ nhất không đủ số lượng thành viên HĐQT theo quy định thì phải tiến hành bầu tiếp lần hai trong số những người đã được đề cử của lần thứ nhất còn lại. Trường hợp khi bầu lần thứ hai vẫn chưa đủ số lượng quy định thì Đại hội đồng cổ đông quyết định có bầu tiếp hay không, nếu Đại hội đồng cổ đông không quyết định được thì chủ tọa Đại hội quyết định;

- Cách thức kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu: đối với bầu Hội đồng quản trị: Ban tổ chức đại hội thành lập Tổ kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu xong báo cáo trước Đại hội.

d) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp, khoản 5 Điều 26 Điều lệ Công ty.

e) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị: Thực hiện theo khoản 7 Điều 26 Điều lệ Công ty.

g) Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo khoản 2 Điều 25 Điều lệ Công ty, cụ thể:

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

h) Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp việc bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều 198, 199, 200, 201 Luật Doanh nghiệp.

3. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định của Điều 28 Điều lệ Công ty.

4. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây.

a) Số lượng cuộc họp tối thiểu: Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 (một) lần và có thể họp bất thường;

b) Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường: Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây;

- Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

- Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.

c) Thông báo họp Hội đồng quản trị (gồm thời gian, địa điểm, chương trình họp, các vấn đề thảo luận và quyết định);

Cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại điểm b khoản 4 Điều này. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên;

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

d) Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát: Các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp Hội đồng quản trị khi được Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp. Các thành viên Ban kiểm soát được nhận tài liệu cuộc họp như các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết;

d) Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị: Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp;

e) Cách thức biểu quyết:

- Biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

- Biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

g) Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị: Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

h) Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị: Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận;

i) Lập biên bản họp Hội đồng quản trị;

- Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác;

- Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài. Việc ghi Biên bản phiên họp hoặc dự thảo Nghị quyết HĐQT do Thư ký Công ty trực tiếp giúp việc HĐQT hoặc Người phụ trách quản trị Công ty thực hiện (hoặc cán bộ khác do người chủ trì họp HĐQT chỉ định, trong trường hợp Thư ký và Người phụ trách quản trị Công ty vắng mặt). Biên bản họp HĐQT phải được người chủ trì họp, các thành viên HĐQT và Thư ký cuộc họp cùng ký tên.

- Biên bản phải lập bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây;

Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

Thời gian, địa điểm họp;

Mục đích, chương trình và nội dung họp;

Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp thì hiệu lực biên bản được chấp nhận như quy định tại điểm k dưới đây.

- Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

- Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

- Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

k) Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị: Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung đã ghi theo quy định điểm i khoản 4 Điều này thì biên bản này có hiệu lực;

l) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

Sau khi Biên bản được thông qua, các ủy viên HĐQT cùng ký ban hành các nghị quyết, Chủ tịch thay mặt HĐQT ký quyết định thực hiện.



- Chậm nhất sau 05 ngày kể từ khi Nghị quyết họp HĐQT được thông qua, Thư ký có nhiệm vụ hoàn thiện các văn bản liên quan để trình Chủ tịch HĐQT ký ban hành. Thư ký Công ty tiếp nhận bản gốc để thực hiện nhân bản, đóng dấu, phát hành trong thời gian cùng ngày sau khi văn bản được ký. Việc phát hành và lưu trữ các văn bản theo số lượng cụ thể do Thư ký soạn thảo, ghi tại văn bản theo quy định. Bản gốc của các Nghị quyết HĐQT được lưu tại Văn phòng (HĐQT).

- Nghị quyết HĐQT được gửi tới từng thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và các bộ phận trong Công ty theo lĩnh vực liên quan. Căn cứ yêu cầu quản lý, Thư ký Công ty thông báo toàn văn hoặc trích nội dung Nghị quyết để gửi các phòng ban hoặc đơn vị liên quan để tổ chức thực hiện.

- Đối với nội dung thuộc bí mật của Công ty và nhà nước thì Nghị quyết HĐQT có đóng dấu chỉ cấp “độ mật” và chỉ được gửi theo địa chỉ ghi cụ thể trong Nghị quyết.

#### 5. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

a) Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị;

b) Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty.

6. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Công ty (Thư ký Công ty):

- Có trình độ đại học, hiểu biết về pháp luật, về ngành nghề kinh doanh chính của Công ty; không được đồng thời làm việc cho Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty;

- Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty.

b) Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty;

Hội đồng quản trị bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty. Thời hạn và nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty cùng với nhiệm kỳ của HĐQT.

c) Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty;

- Vi phạm Nội quy lao động của Công ty;

- Không hoàn thành chức trách nhiệm vụ được giao.

d) Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty được công bố thông tin bất thường trên website của Công ty, SGDCK, UBCKNN trong thời hạn 24 giờ;

đ) Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty;

- Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

- Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

- Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

- Tham dự các cuộc họp;

- Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

- Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

- Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

- Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

- Được hưởng thù lao (phụ cấp) theo quyết định của Hội đồng quản trị;

- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

#### **Điều 4. Ban Kiểm soát**

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát:

a) Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

b) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

c) Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác;

d) Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông;

đ) Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

e) Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát;

f) Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

g) Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc;

h) Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty;

i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát;

- Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

- Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người.

- Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam.

b) Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát: Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp, cụ thể;

- Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

- Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

- Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;

- Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;

- Kiểm soát viên Công ty không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và Công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty mẹ và tại Công ty.

Ngoài các tiêu chuẩn trên đây, Kiểm soát viên Công ty không thuộc các trường hợp sau: Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty, là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

c) Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát;

Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định đối với Hội đồng quản trị Công ty.

Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

d) Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện tương tự quy định đối với Hội đồng quản trị Công ty;

d) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát;

- Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau: (i) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này. (ii) Có đơn từ chức và được chấp thuận.

- Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau: (i) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công. (ii) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng. (iii) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

e) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát Công ty được gửi đến các bộ phận trong Công ty, được công bố thông tin bắt thường trên website của Công ty, SGDCK, UBCKNN trong thời hạn 24 giờ;

g) Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Điều 41 Điều lệ Công ty, cụ thể:

- Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

- Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

- Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

## **Điều 5. Giám đốc**

1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc:

Giám đốc là người điều hành và quản lý Công ty chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty.

Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;
- g) Tuyển dụng lao động;
- h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc:

- a) Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc;

Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại khoản 5 Điều 162 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, cụ thể:

- Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của Công ty và Công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và Công ty mẹ;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty.

b) Ứng cử, đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế;

c) Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Giám đốc: Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc. Trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp việc bầu Giám đốc thực hiện theo quy định tại Điều 198, 199, 200, 201 Luật Doanh nghiệp;

d) Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Giám đốc được thuộc thẩm quyền của HĐQT và được thực hiện bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc thực hiện như đối với thành viên HĐQT;

e) Tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

## **Điều 6. Các hoạt động khác**

1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc, gồm các nội dung chính sau đây:

a) Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc được thực hiện như thủ tục của cuộc họp HĐQT;

b) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát như sau: Thư ký Công ty có trách nhiệm phối hợp sao gửi các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Trưởng Ban kiểm soát để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình;

c) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Giám đốc: Nghị quyết, Quyết định của HĐQT được gửi tới Giám đốc và các bộ phận trong Công ty theo lĩnh vực liên quan theo quy định chung của Công ty về văn thư, lưu trữ;

d) Các trường hợp Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị;

- Đề nghị triệu tập họp HĐQT: (i) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập; (ii) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

- Những vấn đề xin ý kiến HĐQT: Theo quy định tại Điều 27 Điều lệ Công ty và phân cấp theo các quy chế quản lý nội bộ khác của Công ty.

đ) Báo cáo của Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao: (i) Định kỳ, Giám đốc gửi tới Hội đồng Quản trị các báo cáo về kết quả tự đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh, tiến độ thực hiện kế hoạch, kiến nghị, đề xuất nhằm chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hệ thống để hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch đã được phê duyệt thì đồng thời chuyển cho Ban kiểm soát một bản để làm cơ sở kiểm soát. (ii) Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Giám đốc;

e) Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc được thực hiện tại các phiên họp của HĐQT hoặc đột xuất khi có yêu cầu của HĐQT;

g) Các vấn đề Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát: các văn bản, báo cáo, tờ trình của Giám đốc Công ty gửi trình HĐQT đồng thời được gửi tới Ban kiểm soát để làm cơ sở tham gia ý kiến và giám sát kiểm soát;

h) Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.

\* Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị chịu sự giám sát của Ban kiểm soát trong việc quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty và phải tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát thực thi nhiệm vụ.

- Hội đồng quản trị có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin về quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Ban Kiểm soát kiến nghị và đề xuất với HĐQT để kịp thời xử lý, chấn chỉnh những vi phạm, sai sót trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt là các vi phạm về tài chính.

- Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của HĐQT; có quyền thảo luận nhưng được biểu quyết.

\* Giám đốc:

- Giám đốc chịu sự giám sát của Ban kiểm soát trong việc quản lý và hoạt động kinh doanh của Công ty;

- Giám đốc chỉ đạo các phòng ban chức năng, đơn vị trực thuộc Công ty cung cấp đầy đủ các số liệu, tài liệu, thông tin và giải trình các hoạt động theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

- Định kỳ, Giám đốc gửi tới HĐQT, Ban kiểm soát các báo cáo về kết quả tự đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh, tiến độ thực hiện kế hoạch, kiến nghị, đề xuất nhằm chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hệ thống để hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch đã được phê duyệt thì đồng thời chuyển cho Ban kiểm soát một bản để làm cơ sở kiểm soát;

- Căn cứ vào kết quả kiểm tra, kiểm soát, Ban kiểm soát kiến nghị, đề xuất với Giám đốc Công ty để kịp thời xử lý, chấn chỉnh những vi phạm, sai sót trong hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Giám đốc bố trí các phương tiện, trang thiết bị cần thiết phục vụ cho hoạt động của Ban kiểm soát, cử cán bộ có đủ năng lực chuyên môn phù hợp với yêu cầu của Ban kiểm soát tham gia các đoàn kiểm tra, kiểm soát khi cần thiết;

- Giám đốc có trách nhiệm thông báo cho Ban kiểm soát khi phát hiện các sai sót, rủi ro, thất thoát về tài sản của Công ty.

\* Ban kiểm soát:

Theo chức năng nhiệm vụ và phân công trong các quy chế hoạt động, nhiệm vụ cụ thể của các thành viên khi thực hiện nhiệm vụ kiểm soát, giám sát, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty, nếu phát hiện thấy vi phạm các Quy chế quản lý nội bộ, Nghị quyết, Quyết định phải kịp thời thông báo (bằng trao đổi trực tiếp, văn bản) đến chủ thể ban hành văn bản, đối tượng thực hiện biết để xem xét lại.

2. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác;

a) Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, Hội đồng Quản trị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và các cán bộ quản lý khác.

b) Trưởng Ban kiểm soát tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Ban Kiểm soát.

c) Giám đốc chủ trì công tác đánh giá cán bộ quản lý trong Công ty trên cơ sở căn cứ vào quy chế hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động hàng năm của từng bộ phận/đơn vị của toàn Công ty để phân loại đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

3. Các vấn đề khác về Giám sát, Khen thưởng và kỷ luật:

a) Công ty, các cá nhân và tổ chức liên quan chịu sự giám sát về quản trị công ty của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, SGDCKHN, cổ đông và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của Pháp luật;

b) Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá của HĐQT, Ban kiểm soát, bộ máy điều hành, Giám đốc đề xuất mức khen thưởng đối với các cá nhân theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ trình HĐQT. Chế độ khen thưởng: Bằng tiền, nguồn kinh phí khen thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng theo quy định Quy chế thi đua khen thưởng của Công ty;

c) Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh để xác định mức độ và hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật và của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và cán bộ quản lý không hoàn thành nhiệm vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do mình gây ra. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và cán bộ quản lý khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật và quy định của công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính, hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác thì bồi thường theo quy định của Pháp luật.

#### **Điều 7. Hiệu lực thi hành**

Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV bao gồm 7 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29 tháng 4 năm 2021 /.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Bùi Minh Tân**



## QUY CHẾ

**Hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV**  
(Kèm theo báo cáo v/v sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của HDQT, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty)

*Căn cứ:*

- Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
  - Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
  - Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
  - Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
  - Điều lệ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV;
  - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 34/NQ-DHĐCD ngày 29 tháng 4 năm 2021;
- Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV bao gồm các nội dung sau.

## Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

### Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

## **Chương II** **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, Công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

### **Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty.

### **Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có 05 thành viên.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác.

### **Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị**

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;

3. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác;

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty mẹ;

5. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.

### **Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký Công ty. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

### **Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

### **Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của

Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp Điều lệ Công ty không quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

#### **Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác);
- d) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

### **Chương III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

#### **Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch**

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

#### **Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường**

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

## 2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

e) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

## Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

## Chương IV CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



## **Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) Trường hợp khác thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác theo quy định của Điều lệ Công ty và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

#### **Điều 16. Biên bản họp, nghị quyết của Hội đồng quản trị**

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký của thành viên HĐQT, chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị, nghị quyết của HĐQT phải được các thành viên của HĐQT ký thống nhất thông qua. Biên bản, nghị quyết của HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản, nghị quyết lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

## **Chương V** **BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH**

### **Điều 17. Trình báo cáo hằng năm**

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

### **Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói

theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

### **Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan**

Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

## **Chương VI MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị**

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách

nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

#### **Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành**

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

#### **Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát**

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

### **Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 23. Hiệu lực thi hành**

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV bao gồm 07 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29 tháng 04 năm 2021.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Bùi Minh Tân**

## **QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**

*(Kèm theo báo cáo v/v sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty)*

*Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần nhiệt điện Cẩm Phả - TKV được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29 tháng 04 năm 2021;*

*Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 34/NQ-DHDCĐ ngày 29 tháng 04 năm 2021;*

*Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần nhiệt điện Cẩm Phả-TKV;*

*Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần nhiệt điện Cẩm Phả-TKV bao gồm các nội dung sau:*

### **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát.

#### **Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

## Chương II

### THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

#### **Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát**

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

#### **Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

#### **Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát**

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
  - a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
  - b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

- c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;
- d. Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
- d. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- e. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
- g. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

#### **Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát**

1. Các Kiểm soát viên phải bầu một Kiểm soát viên làm Trưởng ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
2. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty.
3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các nội dung sau:
  - a. Triệu tập và chủ trì cuộc họp Ban kiểm soát;
  - b. Yêu cầu HĐQT, Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý, điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;
  - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát**

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Ban kiểm soát được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm Kiểm soát viên. Thông tin liên quan đến ứng viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:
  - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;



- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- d. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ Kiểm soát viên và các chức danh quản lý, điều hành khác;
- e. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là Kiểm soát viên của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Giới thiệu, đề cử vào Ban kiểm soát.

Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ ba (03) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

**Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

3. Trường hợp bầu lần thứ nhất không đủ số lượng thành viên Ban kiểm soát theo quy định thì phải tiến hành bầu tiếp lần hai trong số những người đã được đề cử của lần thứ nhất còn lại. Trường hợp khi bầu lần thứ hai vẫn chưa đủ

số lượng quy định thì Đại hội đồng cổ đông quyết định có bầu tiếp hay không, nếu Đại hội đồng cổ đông không quyết định được thì chủ tọa Đại hội quyết định

#### **Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

b. Kiểm soát viên đó có đơn từ chức được gửi đến trụ sở chính Công ty và được chấp thuận;

c. Kiểm soát viên đó bị rối loạn tâm thần và các Kiểm soát viên khác có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự

d. Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Kiểm soát viên đó không thực hiện nghĩa vụ của mình, vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép Kiểm soát viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Kiểm soát viên đó bị bãi nhiệm Kiểm soát viên theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông do không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d. Không còn là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;

e. Là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty nữa.

g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty.

#### **Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác;
- đ. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

### **Chương III BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm Chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát**

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b. Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c. Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

### **Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông**

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c. Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

## **Chương IV** **CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

### **Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát**

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

## **Chương V** **BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH**

### **Điều 16. Trình báo cáo hàng năm**

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất

trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

### **Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác**

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

### **Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan**

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của

minh để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

## **Chương VI**

### **MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát**

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chỉ phối các thành viên Ban kiểm soát.

#### **Điều 20. Mối quan hệ với Ban điều hành**

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

#### **Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị**

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

## **Chương VII**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 22. Bổ sung và sửa đổi Quy chế hoạt động Ban kiểm soát**

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Ban kiểm soát chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Ban kiểm soát.



**Điều 23. Hiệu lực thi hành**

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần nhiệt điện Cẩm Phả -TKV bao gồm 7 chương, 23 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29 tháng 04 năm 2021

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**

**Trần Thị Kim Chi**